

**PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HUYỆN ĐIỆN BIÊN
TRƯỜNG MẦM NON XÃ POM LÓT**

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ

ĐIỆN BIÊN - 2023

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HUYỆN ĐIỆN BIÊN
TRƯỜNG MẦM NON XÃ POM LÓT

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ

**DANH SÁCH VÀ CHỮ KÝ
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ**

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ	Chữ ký
1	Vũ Thị Thanh Huyền	Hiệu trưởng	Chủ tịch hội đồng	
2	Phạm Thị Duyên	Phó Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch HĐ	
3	Đỗ Thị Quế	Phó Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch HĐ	
4	Quàng Thị Hà	Thư ký hội đồng	Thư ký hội đồng	
5	Nguyễn Thị Mỹ Yên	Tổ trưởng CM	Ủy viên hội đồng	
6	Ngô Thị Dung	Tổ trưởng CM	Ủy viên hội đồng	
7	Hà Thị Thành	Giáo viên	Ủy viên hội đồng	
8	Lê T.Thanh Thương	Giáo viên	Ủy viên hội đồng	
9	Nguyễn Thị Nga	Giáo viên	Ủy viên hội đồng	
10	Nguyễn Thị Lân	Giáo viên	Ủy viên hội đồng	
11	Lò Thị Bình	Kế toán	Ủy viên hội đồng	

MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
Mục lục	1
Danh mục các chữ viết tắt (nếu có)	3
Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá	4
Phần I. CƠ SỞ DỮ LIỆU	6
Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ	11
A. ĐẶT VẤN ĐỀ	11
B. TỰ ĐÁNH GIÁ	13
I. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 1, 2 VÀ 3	13
Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường	13
Mở đầu	13
Tiêu chí 1.1	14
Tiêu chí 1.2	16
Tiêu chí 1.3	17
Tiêu chí 1.4	19
Tiêu chí 1.5	21
Tiêu chí 1.6	23
Tiêu chí 1.7	25
Tiêu chí 1.8	27
Tiêu chí 1.9	28
Tiêu chí 1.10	29
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 1</i>	31
Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên	32
Mở đầu	32
Tiêu chí 2.1	32
Tiêu chí 2.2	34
Tiêu chí 2.3	36
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 2</i>	38
Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học	38
Mở đầu	38
Tiêu chí 3.1	38
Tiêu chí 3.2	41
Tiêu chí 3.3	43
Tiêu chí 3.4	44
Tiêu chí 3.5	46
Tiêu chí 3.6	48
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 3</i>	50
Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội	50
Mở đầu	50
Tiêu chí 4.1	50
Tiêu chí 4.2	52

<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 4</i>	55
Tiêu chuẩn 5: Hoạt động và kết quả nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ	55
Mở đầu	55
Tiêu chí 5.1	56
Tiêu chí 5.2	58
Tiêu chí 5.3	59
Tiêu chí 5.4	62
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 5</i>	63
Phần II. KẾT LUẬN CHUNG	64
Phần III. PHỤ LỤC	

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

TT	Viết tắt	Chú thích
1	BĐDCMHS	Ban đại diện cha mẹ học sinh
2	GD&ĐT	Giáo dục và Đào tạo
3	CB,GV,NV	Cán bộ, giáo viên, nhân viên
4	CBQL	Cán bộ quản lý
5	CSVC	Cơ sở vật chất
6	CSGD	Chăm sóc giáo dục
7	CQG	Chuẩn quốc gia
8	ĐTN	Đoàn thanh niên
9	GDMN	Giáo dục mầm non
10	KH	Kế hoạch
11	SDD	Suy dinh dưỡng
12	TTCM	Tổ trưởng chuyên môn
13	TĐG	Tự đánh giá
14	UBND	Ủy ban nhân dân
15	VSATTP	Vệ sinh an toàn thực phẩm
16	XHH	Xã hội hóa

TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ

1. Kết quả đánh giá: Tiêu chí mức 1, 2 và 3

(Đánh dấu (x) vào ô kết quả tương ứng Đạt hoặc Không đạt)

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả			
	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tiêu chuẩn 1				
Tiêu chí 1.1		X	X	X
Tiêu chí 1.2		X	X	
Tiêu chí 1.3		X	X	X
Tiêu chí 1.4		X	X	X
Tiêu chí 1.5		X	X	X
Tiêu chí 1.6		X	X	X
Tiêu chí 1.7		X	X	
Tiêu chí 1.8		X	X	
Tiêu chí 1.9		X	X	
Tiêu chí 1.10		X	X	
Tiêu chuẩn 2				
Tiêu chí 2.1		X	X	X
Tiêu chí 2.2		X	X	X
Tiêu chí 2.3		X	X	X
Tiêu chuẩn 3				
Tiêu chí 3.1		X	X	X
Tiêu chí 3.2		X	X	
Tiêu chí 3.3		X	X	X
Tiêu chí 3.4		X	X	X
Tiêu chí 3.5		X	X	X
Tiêu chí 3.6		X	X	
Tiêu chuẩn 4				
Tiêu chí 4.1		X	X	X

Tiêu chí 4.2		X	X	X
Tiêu chuẩn 5				
Tiêu chí 5.1		X	X	X
Tiêu chí 5.2		X	X	X
Tiêu chí 5.3		X	X	X
Tiêu chí 5.4		X	X	X

Kết quả: Đạt Mức 2

2. Kết luận: Trường đạt chuẩn chất lượng giáo dục cấp độ 2

Phần I
CƠ SỞ DỮ LIỆU

Tên trường (theo quyết định mới nhất): Trường Mầm non xã Pom Lót

Tên trước đây (nếu có): Trường Mầm non xã Sam Mứn

Phòng Giáo dục và Đào tạo: Huyện Điện Biên

Tỉnh/ thành phố trực thuộc Trung ương	Điện Biên	Họ và tên hiệu trưởng	Vũ Thị Thanh Huyền
Huyện/quận /thị xã/ thành phố	Điện Biên	Điện thoại	0359393028
Xã / phường/thị trấn	Pom Lót	Fax	
Đạt CQG	MĐI	Website	https://edu.viettel.vn/db-n-dienbien-mnpomlot
Năm thành lập trường (theo quyết định thành lập)	2009	Số điểm trường	3
Công lập	x	Loại hình khác	
Tư thực			
Dân lập		Thuộc vùng đặc biệt khó khăn	
Trường liên kết với nước ngoài	0		

1. Số nhóm trẻ, lớp mẫu giáo

Số nhóm, lớp	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023	Năm học 2023-2024
Nhóm trẻ từ 3 đến 12 tháng tuổi	0	0	0	0	0
Nhóm trẻ từ 13 đến 24 tháng tuổi	0	0	0	0	0
Nhóm trẻ từ 25 đến 36 tháng tuổi	4	3	3	3	3
Số lớp mẫu giáo 3- 4 tuổi	2	3	3	2	2
Số lớp mẫu giáo 4-5 tuổi	3	2	3	3	2
Số lớp mẫu giáo 5 - 6 tuổi	3	3	2	3	3
Số lớp mẫu giáo ghép 3 độ tuổi	1	1	1	1	2
Cộng	13	12	12	12	12

2. Cơ cấu khối công trình của nhà trường

TT	Số liệu	Năm học 2019- 2020	Năm học 2020- 2021	Năm học 2021- 2022	Năm học 2022- 2023	Năm học 2023- 2024	Ghi chú
I	Khối phòng nhóm trẻ, lớp mẫu giáo	13	12	12	12	12	
1	Phòng kiên cố	11	10	10	10	10	
2	Phòng bán kiên cố	2	2	2	2	2	
3	Phòng tạm	0	0	0	0	0	
II	Khối phòng phục vụ học tập	2	2	2	1	1	
1	Phòng kiên cố	1	1	1	1	1	
2	Phòng bán kiên cố	1	1	1	0	0	
3	Phòng tạm	0	0	0	0	0	
III	Khối phòng hành chính quản trị	13	14	14	14	14	
1	Phòng kiên cố	13	14	14	14	14	
2	Phòng bán kiên cố	0	0	0	0	0	
3	Phòng tạm	0	0	0	0	0	
IV	Khối phòng tổ chức ăn	1	1	1	1	1	
1	Bếp ăn	1	1	1	1	1	
	Cộng	29	29	29	29	29	

3. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

a) Số liệu tại thời điểm TĐG

	Tổng số	Nữ	Dân tộc	Trình độ đào tạo			Ghi chú
				Chưa đạt chuẩn	Đạt chuẩn	Trên chuẩn	
Hiệu trưởng	1	1	0	0	0	1	
Phó hiệu trưởng	2	2	0	0	0	2	
Giáo viên	24	24	6	0	0	24	
Nhân viên	5	4	0	4	0	1	
Cộng	32	31	6	4	0	28	

b) Số liệu của 5 năm gần đây

TT	Số liệu	Năm học 2019- 2020	Năm học 2020- 2021	Năm học 2021 -2022	Năm học 2022- 2023	Năm học 2023- 2024
----	---------	--------------------------	--------------------------	--------------------------	--------------------------	--------------------------

1	Tổng số giáo viên	24	24	24	24	24
2	Tỷ lệ trẻ em/giáo viên (đối với nhóm trẻ)	17,7	14,5	16,7	16,5	11,7
3	Tỷ lệ trẻ em/giáo viên (đối với lớp mẫu giáo không có trẻ bán trú)	0	0	0	0	0
4	Tỷ lệ trẻ em/giáo viên (đối với lớp mẫu giáo có trẻ em bán trú)	16,8	16,5	16	15,6	14,7
5	Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp huyện hoặc tương đương trở lên (nếu có)	7	7	12	15	15
6	Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh trở lên (nếu có)	3	3	3	4	4

4. Trẻ em

TT	Số liệu	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023	Năm học 2023-2024	Ghi chú
1	Tổng số trẻ em	408	383	387	380	335	
	- Nữ	194	189	193	181	160	
	- Dân tộc thiểu số	149	134	148	122	122	
2	Đối tượng chính sách	98	74	50	74	50	
3	Khuyết tật	1	1	1	0	0	
4	Tuyển mới	95	98	95	80	95	
5	Học 2 buổi/ngày	408	383	387	380	335	
6	Bán trú	408	383	387	380	335	

7	Tỷ lệ trẻ em/lớp	33,6	33	31,9	31,2	29,4	
8	Tỷ lệ trẻ em/nhóm	26,5	29	33,3	33	23,3	
	- Trẻ em từ 03 đến 12 tháng	0	0	0	0	0	
	- Trẻ em từ 13 đến 24 tháng tuổi	0	0	0	0	0	
	- Trẻ em từ 25 đến 36 tháng tuổi	106	87	100	33	70	
	- Trẻ em từ 3-4 tuổi	88	102	89	44	88	
	- Trẻ em từ 4-5 tuổi	102	91	102	29,3	90	
	- Trẻ em từ 5-6 tuổi	112	103	96	26,3	102	
9	Các số liệu khác						
	Tỷ lệ (%) huy động trẻ em lứa tuổi mầm non 3-36 tháng tuổi	52,1	48,3	53,2	57,2	40,7	
	Tỷ lệ (%) huy động trẻ 5 tuổi ra lớp	100	100	100	100	100	
	Tỷ lệ (%) trẻ em 5 tuổi hoàn thành CT GDMN	100	100	100	100	100	
	Tỷ lệ (%) trẻ 5 tuổi khuyết tật học hòa nhập	100	100	100	0	0	

Phần II

TỰ ĐÁNH GIÁ

A. ĐẶT VẤN ĐỀ

1. Tình hình chung của nhà trường

Trường mầm non Sam Mứn được thành lập tháng 9 năm 1979 đến tháng 10 năm 2013 trường được đổi tên thành trường mầm non xã Pom Lót. Trường nằm trên địa bàn đội 6 - xã Pom Lót - Huyện Điện Biên - Tỉnh Điện Biên. Trường có tổng diện tích là 3696m², trong đó diện tích phòng học là 450m², diện tích sân vườn cho trẻ hoạt động trải nghiệm và tổ chức các hoạt động giáo dục là 2353m². Cơ sở vật chất (CSVC) của nhà trường đã được đầu tư xây dựng đồng bộ, có đủ phòng học và các phòng chức năng, các công trình của trường được xây dựng kiên cố, có tường rào bao quanh, có sân chơi láng xi măng sạch sẽ, có đồ chơi ngoài trời. Lớp học có đủ đồ dùng, đồ chơi, thiết bị phục vụ cho hoạt động CSGD trẻ. Môi trường học tập an toàn - sạch - đẹp, các phòng học cho từng độ tuổi đảm bảo đủ diện tích, đủ các phòng chức năng theo quy định như: phòng nghệ thuật, khu vui chơi vận động với đầy đủ các trang thiết bị, đồ dùng đồ chơi cho trẻ hoạt động.

Trong những năm qua, nhà trường luôn nhận được sự chỉ đạo sát sao trực tiếp của phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Điện Biên (GD&ĐT), của chính quyền địa phương cùng với sự nỗ lực cố gắng không ngừng của tập thể cán bộ, giáo viên, nhân viên (CB,GV,NV) trong nhà trường, do đó nhà trường đã đạt được nhiều thành tích xuất sắc: Đạt danh hiệu tập thể lao động xuất sắc, tập thể lao động tiên tiến được UBND huyện tặng giấy khen. Tổ chức Công đoàn đạt công đoàn vững mạnh hoàn thành tốt nhiệm vụ được Công đoàn giáo dục huyện Điện Biên tặng giấy khen. Chi bộ Đảng đạt chi bộ trong sạch vững mạnh. Nhà trường tiếp tục duy trì đạt trường CQG mức độ 1.

Đội ngũ cán bộ quản lý (CBQL) và giáo viên của trường nhiệt tình, năng động, sáng tạo, tâm huyết với nghề nghiệp, có tinh thần tự lực tự cường khắc phục khó khăn hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao. Giáo viên tích cực đổi mới phương pháp dạy học nhằm đáp ứng với yêu cầu đổi mới và nhiệm vụ giáo dục mầm non (GDMN) trong giai đoạn hiện nay. Trường có đội ngũ CB,GV,NV đủ theo điều lệ trường mầm non. Có đạo đức tốt, phẩm chất chính trị vững vàng, nhiệt tình, có trách nhiệm hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao, năng động, sáng tạo trong việc tổ chức các hoạt động CSGD trẻ. 100% giáo viên có trình độ đào tạo đạt trên chuẩn, giáo viên dạy giỏi các cấp 21/24 đạt 87,5%. Qua các đợt kiểm tra của Phòng GD&ĐT, giáo viên đều được đánh giá, xếp loại chuyên môn nghiệp vụ đạt khá trở lên. Chất lượng đội ngũ giáo viên, chất lượng CSGD trẻ được nâng lên và được khẳng định qua kết quả đánh giá chất lượng của từng năm học, đáp ứng đủ điều kiện trường mầm non đạt CQG Mức độ 1, đạt chuẩn chất lượng giáo dục cấp độ 2. Trong năm nhà trường làm tốt công tác tham mưu với lãnh đạo ngành, lãnh đạo địa phương, phối hợp với các cơ quan đoàn thể đóng trên địa bàn, phụ huynh học sinh tập trung mọi nguồn lực tôn tạo cảnh quan môi trường. Duy trì nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ và tổ chức tốt các hoạt động của nhà trường.

Trong những năm thành lập và đi vào hoạt động, trường mầm non xã Pom Lót có những bước phát triển mạnh mẽ vượt bậc về mọi mặt: Các mặt hoạt động của nhà trường đều ổn định, phát triển bền vững, uy tín và vị thế của nhà trường đối với ngành học, với chính quyền địa phương và cha mẹ trẻ ngày một nâng lên.

2. Mục đích tự đánh giá

Tự đánh giá là khâu đầu tiên trong quy trình kiểm định chất lượng giáo dục. Đó là quá trình nhà trường tự kiểm tra, đánh giá trên cơ sở các tiêu chuẩn đánh giá do Bộ GD&ĐT ban hành. Việc tự đánh giá nhằm giúp nhà trường xác định mức độ đáp ứng mục tiêu giáo dục trong từng giai đoạn, để xây dựng kế hoạch (KH) cải tiến, nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ, thông qua báo cáo công khai với các cơ quan quản lý nhà nước và xã hội về thực trạng chất lượng giáo dục của nhà trường. Thông qua việc tự đánh giá, nhận thức của tập thể CB, GV, NV về công tác CSGD trẻ, được thay đổi theo chiều hướng tích cực. Công tác quản lý nhà trường ngày một chặt chẽ và nề nếp hơn. Công tác tự đánh giá thể hiện tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của nhà trường trong toàn bộ hoạt động giáo dục. Mỗi cá nhân nhận thức rõ hơn vai trò và trách nhiệm của mình trước nhiệm vụ được giao. Kết quả tự đánh giá giúp cho tập thể xác định được những điểm mạnh, điểm yếu. Từ đó có KH cải tiến, khắc phục nâng cao chất lượng hoạt động của nhà trường trong thời gian tới và những năm tiếp theo.

Mục đích, lý do tự đánh giá của nhà trường là nhằm giúp nhà trường xác định mức độ đáp ứng mục tiêu giáo dục trong từng giai đoạn để xây dựng KH cải tiến, nâng cao chất lượng chăm sóc và giáo dục trẻ, đồng thời thông báo công khai với các cơ quan quản lý nhà nước và xã hội về thực trạng, chất lượng giáo dục của nhà trường.

3. Tóm tắt quá trình và những vấn đề nổi bật trong hoạt động tự đánh giá

Thực hiện Thông tư 19/2018/TT- BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ GD&ĐT ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt CQG đối với trường mầm non. Nhà trường đã triển khai cụ thể KH tự đánh giá tới toàn thể CB, GV, NV của nhà trường. Thành lập Hội đồng tự đánh giá bao gồm: Cán bộ chủ chốt, người đứng đầu, đại diện các đoàn thể, giáo viên. Thư ký hội đồng là những giáo viên có kinh nghiệm. Hội đồng tự đánh giá của trường tiến hành theo đúng quy trình tự đánh giá, có trách nhiệm xây dựng KH tổng thể và chi tiết, phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên, tổ chức hướng dẫn kỹ năng viết phiếu đánh giá tiêu chí, xác định nội hàm gợi ý tìm minh chứng cho từng nhóm. Hội đồng tự đánh giá được chia thành 05 nhóm, mỗi nhóm được phân công thu thập, xử lý và phân tích các minh chứng, nghiên cứu đánh giá 01 tiêu chuẩn.

Tự đánh giá là quá trình liên tục thực hiện theo KH, được giành nhiều công sức, thời gian, có sự tham gia của tập thể và cá nhân trong nhà trường. Tự đánh giá đòi hỏi tính khách quan, trung thực và công khai. Các giải thích, nhận định, kết luận đưa ra trong quá trình tự đánh giá được dựa trên các thông tin, minh chứng cụ thể, rõ ràng, đảm bảo độ tin cậy. Báo cáo tự đánh giá bao quát đầy đủ các tiêu chí trong tiêu chuẩn đánh giá chất lượng của nhà trường.

Hoạt động tự đánh giá của nhà trường được thực hiện theo đúng quy trình Bộ GD&ĐT hướng dẫn gồm 7 bước sau:

Bước 1. Thành lập Hội đồng tự đánh giá.

Bước 2. Lập KH tự đánh giá.

Bước 3. Thu thập, xử lý và phân tích các minh chứng.

Bước 4. Đánh giá các mức độ đạt được theo từng tiêu chí.

Bước 5. Viết báo cáo tự đánh giá.

Bước 6. Công bố báo cáo tự đánh giá.

Bước 7: Triển khai các hoạt động sau khi hoàn thành báo cáo tự đánh giá.

Tất cả các bước trên đều được thực hiện đúng hướng dẫn và đảm bảo tính dân chủ, công khai khoa học.

Đề báo cáo tự đánh giá đảm bảo tính chính xác, trung thực, khách quan. Hội đồng tự đánh giá đã tiến hành đánh giá bằng nhiều phương pháp khác nhau. Trong đó chủ yếu bằng phương pháp khảo sát thực tế tất cả các mặt hoạt động của nhà trường liên quan đến nội dung của 5 tiêu chuẩn để sưu tầm thông tin, minh chứng, so sánh, đối chiếu và phân tích dữ liệu có liên quan, trong quá trình đánh giá nhà trường căn cứ vào các văn bản quy định kiểm định chất lượng GDMN do Bộ GD&ĐT ban hành để làm cơ sở cho việc tiến hành tự đánh giá. Ngoài ra, nhà trường còn sử dụng các phương tiện hỗ trợ khác như máy vi tính, máy in, máy ảnh, mạng Internet để khai thác thông tin, minh chứng và viết báo cáo tự đánh giá. Căn cứ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục theo Thông tư 19/2018/TT- BGD&ĐT ngày 22/8/2018 của Bộ GD&ĐT ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt CQG đối với trường mầm non.

Căn cứ kết quả tự đánh giá nhà trường đạt trường CQG mức độ 1, chất lượng mức độ 2.

B. TỰ ĐÁNH GIÁ

I. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 1, 2 VÀ 3

Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường

Mở đầu:

Trường Mầm non xã Pom Lót có cơ cấu, tổ chức bộ máy theo đúng quy định của Điều lệ trường mầm non, có các tổ chức Đảng, đoàn thể phối hợp thực hiện nhiệm vụ theo chức năng, nhiệm vụ được giao; có các tổ chuyên môn và tổ văn phòng thực hiện tốt mọi nhiệm vụ theo quy định tại Điều lệ trường mầm non. Các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo được chia theo độ tuổi, học 2 buổi/ngày. Nhà trường thực hiện quản lý và sử dụng tài chính, tài sản, lưu trữ hồ sơ đầy đủ theo quy định. Hằng năm xây dựng KH bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ CB, GV, NV. Chỉ đạo các tổ chuyên môn xây dựng KH bồi dưỡng thường xuyên, chuyên đề góp phần nâng cao hiệu quả chất lượng chăm sóc giáo dục. Giáo viên các nhóm, lớp căn cứ vào KH của nhà trường xây dựng KH giáo dục theo hướng dẫn thực hiện chương trình của Bộ GD&ĐT phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường và địa phương. Định kỳ tiến hành rà soát, đánh giá, điều chỉnh, bổ sung kịp thời. Phân công nhiệm vụ cho CB, GV, NV đúng theo năng lực sở trường của mỗi cá nhân, đảm bảo các quyền lợi khác theo quy định. Thực hiện quản lý hành chính và thường xuyên tổ chức, thực hiện có hiệu quả các phong trào thi đua do ngành và địa phương phát động. Hằng năm nhà trường xây dựng KH đề ra chiến lược xây dựng và phát triển về công tác tổ chức và quản lý các hoạt động trong nhà trường phù hợp với định hướng

phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường, quản lý chặt chẽ các hoạt động giáo dục, quản lý CB,GV,NV, quản lý trẻ theo đúng các quy định hiện hành. Thực hiện tốt quy chế dân chủ trong cơ quan đơn vị, không có đơn thư khiếu nại, tố cáo. Đảm bảo tốt an ninh trật tự, vệ sinh an toàn thực phẩm (VSATTP), phòng chống tai nạn thương tích, phòng chống cháy nổ, không có hiện tượng, kỳ thị, hành vi bạo lực hay vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường.

Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường

Mức 1:

a) *Phù hợp với mục tiêu giáo dục mầm non được quy định tại Luật giáo dục, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường;*

b) *Được xác định bằng văn bản và cấp có thẩm quyền phê duyệt;*

c) *Được công bố công khai bằng hình thức niêm yết tại nhà trường hoặc đăng tải trên trang thông tin điện tử của nhà trường (nếu có) hoặc đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương, trang thông tin điện tử của phòng giáo dục và đào tạo.*

Mức 2:

Nhà trường có các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển.

Mức 3:

Định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển. Tổ chức xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển có sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục), cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, cha mẹ trẻ và cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường theo giai đoạn 2021- 2025 phù hợp với mục tiêu GDMN được quy định tại Điều 104 Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 ngày 14/06/2019 [H1-1.1.01], phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn, sát với thực tế, phù hợp với các nguồn lực và điều kiện của nhà trường về CSVC, đội ngũ CB,GV,NV và học sinh [H1-1.1.02].

Căn cứ các văn bản hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ năm học của các cấp, báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ chính trị của Đảng ủy, căn cứ vào chỉ tiêu KH được giao, nhà trường đã xây dựng KH chiến lược phát triển nhà trường số 76/KHCL-MNPL ngày 26/8/2021[H1-1.1.01], KH thực hiện nhiệm vụ năm học được phòng GD&ĐT huyện Điện Biên phê duyệt để triển khai, thực hiện đảm bảo theo quy định [H1-1.1.02].

Nhà trường làm tốt công tác công khai KH thực hiện nhiệm vụ năm học, phương hướng xây dựng chiến lược và phát triển của nhà trường tới toàn thể CB,GV,NV trong Hội nghị viên chức, người lao động đầu năm và được niêm yết trên bảng tin công khai [1.1-03], được đăng tải trên trang thông tin điện tử Website:

<https://edu.viettel.vn/dbn-dienbien-mnpomlot> để CB,GV,NV cha mẹ trẻ và nhân dân cùng biết [1.1-04].

Mức 2:

Nhà trường có các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường. Hội đồng trường chịu trách nhiệm quyết định về phương hướng hoạt động của nhà trường, huy động và giám sát việc sử dụng các nguồn lực dành cho nhà trường, đảm bảo thực hiện mục tiêu giáo dục [H1-1.1- 05]; [H1-1.1.06]; [H1-1.1.07].

Mức 3:

Nhà trường định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường. Tổ chức xây dựng phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường có sự tham gia của các thành viên Hội đồng trường, CB,GV,GV thông qua Hội nghị viên chức, người lao động đầu năm, cha mẹ trẻ và cộng đồng thông qua các buổi họp phụ huynh học sinh [H1-1.1- 05]; [H1-1.1.06]; [H1-1.1.07].

2. Điểm mạnh

Trong những năm qua nhà trường đã xây dựng phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường theo giai đoạn, KH thực hiện nhiệm vụ của nhà trường theo từng năm phù hợp với mục tiêu GDMN, đưa ra các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển của nhà trường theo giai đoạn, được phòng GD&ĐT phê duyệt và niêm yết công khai. Hằng năm định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh việc thực hiện phương hướng, chiến lược phát triển của nhà trường phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường và địa phương.

3. Điểm yếu: Không

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Nhà trường tiếp tục phát huy những điểm mạnh và khắc phục các điểm yếu, xây dựng phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường phù hợp với tình hình của địa phương, của nhà trường.	Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng và giáo viên	Phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường	8/2023	Không
Xây dựng KH thực hiện nhiệm vụ năm học	Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, các tổ chuyên môn	KH thực hiện nhiệm vụ năm học	8/2023	Không
Công khai phương	Hiệu	Phương hướng	9/2023	Không

hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường trên trang thông tin điện tử của trường, trên bảng công khai của trường	trường	chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường		
---	--------	--	--	--

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3.

Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục) và các hội đồng khác

Mức 1:

- a) Được thành lập theo quy định;
- b) Thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định;
- c) Các hoạt động được định kỳ rà soát, đánh giá.

Mức 2:

Hoạt động có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ của nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Hội đồng nhà trường được thành lập theo Điều 18 quy định tại Điều lệ trường mầm non, gồm 09 thành viên theo Quyết định số 2864/QĐ-PGDĐT ngày 22 tháng 11 năm 2021 của phòng GD&ĐT huyện Điện Biên về việc công nhận Hội đồng trường mầm non xã Pom Lót nhiệm kỳ 2021-2025 [H1-1.2-01]. Các Hội đồng khác được thành lập theo quyết định của Hiệu trưởng trường mầm non xã Pom Lót gồm: Hội đồng thi đua khen thưởng gồm 10 thành viên [H1-1.2-02]; Hội đồng chấm sáng kiến gồm 6 thành viên, Hội đồng chấm thi giáo viên dạy giỏi cấp trường gồm 8 thành viên [H1-1.2-03].

Hội đồng trường và các hội đồng khác thực hiện đúng chức năng nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều 9, Điều 11 của Thông tư số 52/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020 Thông tư Điều lệ trường mầm non. Hội đồng trường thực hiện quyết nghị về mục tiêu chiến lược các phương hướng hoạt động của nhà trường, huy động và giám sát việc sử dụng các nguồn lực dành cho nhà trường. Quyết nghị về tổ chức, nhân sự, tài chính, tài sản của nhà trường, giới thiệu người đề bổ nhiệm làm hiệu trưởng, phó hiệu trưởng theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền. Hội đồng thi đua khen thưởng giúp hiệu trưởng tổ chức phong trào thi đua. Hội đồng chấm sáng kiến giúp hiệu trưởng đánh giá sáng kiến của giáo viên. Hội đồng chấm thi giáo viên dạy giỏi giúp hiệu trưởng đánh giá chất lượng chuyên môn của giáo viên [H1-1.2-01]; [H1-1.2-02]; [H1-1.2-03].

Hội đồng trường và các hội đồng khác định kỳ, rà soát đánh giá hoạt động của nhà trường. Hội đồng trường họp thường kỳ 2 lần/năm vào đầu năm học và cuối học kỳ 1 để kịp thời điều chỉnh, bổ sung KH, phương hướng hoạt động [H1-1.2-01]; [H1-1.2-02]; [H1-1.2-03]; [H1-1.2-04].

Mức 2:

Hội đồng trường và các hội đồng khác duy trì hoạt động tích cực có hiệu quả theo đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, được đánh giá cao trong việc góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ của nhà

trường như kiểm tra, giám sát, đôn đốc việc thực hiện kế hoạch nhiệm vụ năm học và phương hướng phát triển của nhà trường; thường xuyên tham mưu với chính quyền, các đoàn thể địa phương, tích cực tuyên truyền tới các bậc phụ huynh nâng cao công tác chăm sóc giáo dục. Đảm bảo công tác xã hội hoá, huy động nguồn lực, vật lực xây dựng các tiêu chí trường chuẩn quốc gia và tiếp tục duy trì chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi [H1-1.2-01]; [H1-1.2-02]; [H1-1.2-03]; [H1-1.2-04].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có Hội đồng trường và các hội đồng khác được thành lập theo quy định; các hội đồng thực hiện đầy đủ các chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều lệ trường mầm non, được định kỳ rà soát đánh giá, điều chỉnh bổ sung nội dung hoạt động cho phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường và địa phương góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, CSGD trẻ của nhà trường.

3. Điểm yếu: Không

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Công việc cần thực hiện	Người Chủ trì	Phối hợp	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Kiên toàn hội đồng trường và thành lập các hội đồng khác theo quy định	Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng	Tổ trưởng chuyên môn, cốt cán	20/8	Không
Hội đồng trường và các Hội đồng khác tiếp tục phát huy hơn nữa hiệu quả hoạt động, kiểm tra giám sát góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ của nhà trường.	Hiệu trưởng, Chủ tịch Hội đồng trường	Các thành viên hội đồng trường	Năm học 2023-2024 và các năm tiếp theo	Không

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường

Mức 1:

a) Các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường có cơ cấu tổ chức theo quy định;

b) Hoạt động theo quy định;

c) Hàng năm, các hoạt động được rà soát, đánh giá.

Mức 2:

a) Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có cơ cấu tổ chức và hoạt động theo quy định; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 01 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;

b) Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp tích cực cho các hoạt động của nhà trường.

Mức 3:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có ít nhất 02 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;

b) Các đoàn thể, tổ chức khác đóng góp hiệu quả cho các hoạt động của nhà trường và cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có tổ chức Công đoàn gồm 29 công đoàn viên; Có Ban chấp hành Công đoàn gồm 01 Chủ tịch và 02 ủy viên [H1-1.3-01]; Có 1 chi Đoàn Thanh niên (ĐTN) cộng sản Hồ Chí Minh gồm Bí thư chi đoàn và 15 đoàn viên [H1-1.3-02].

Công đoàn, ĐTN cộng sản Hồ Chí Minh và các đoàn thể, tổ chức khác hoạt động theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công đoàn, Điều lệ ĐTN cộng sản Hồ Chí Minh giúp nhà trường thực hiện tốt mục tiêu, KH giáo dục đề ra [H1-1.3-03]; [H1-1.3-04].

Trong 5 năm qua các hoạt động của tổ chức đoàn thể thường xuyên được rà soát, kiểm tra, đánh giá nhằm nâng cao chất lượng hoạt động một cách hiệu quả [H1-1.2-04].

Mức 2:

Nhà trường có 01 chi bộ Đảng độc lập gồm Bí thư chi bộ, phó bí thư và 19 đảng viên [H1-1.3-05], hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam [H1-1.3-06]. Năm 2021 chi bộ nhà trường được Đảng ủy xã Pom Lót đánh giá hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ [H1-1.3-07]; [H1-1.3-08].

Trong năm các đoàn thể, tổ chức khác tích cực hoạt động phối kết hợp với nhà trường thực hiện đảm bảo chỉ tiêu, KH đề ra góp phần nâng cao chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và các hoạt động khác của nhà trường [H1-1.3-09].

Mức 3:

Trong 5 năm liên tiếp chi bộ nhà trường được đánh giá chi bộ trong sạch, vững mạnh, Năm 2021 chi bộ đạt chi bộ hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được Đảng ủy xã Pom Lót tặng giấy khen [H1-1.3-07]; [H1-1.3-08].

Các đoàn thể và các tổ chức khác của nhà trường đều có những đóng góp tích cực vào các hoạt động của nhà trường và cộng đồng mang lại hiệu quả cao trong quá trình hoạt động như: Các ngày lễ hội, các cuộc giao lưu, hội thi của giáo viên và trẻ [H1-1.2-04].

2. Điểm mạnh

Trường có Chi bộ Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác như: Tổ chức Công đoàn, ĐTN Cộng sản Hồ Chí Minh đều có cơ cấu tổ chức và hoạt động theo quy định, hằng năm được rà soát đánh giá làm tốt công tác tham mưu, tích cực phối kết hợp với nhà trường tổ chức tốt các hoạt động của trường và cộng đồng, góp phần thực hiện thắng lợi mục tiêu giáo dục. Trong năm Chi bộ nhà trường được đánh giá chi bộ trong sạch, vững mạnh, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được Đảng ủy xã Pom Lót tặng giấy khen .

3. Điểm yếu: Không

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Công việc cần thực hiện	Người Chủ trì	Phối hợp	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Chi bộ đảng, công đoàn, ĐTN tổ chức hoạt động trong nhà trường	Bí thư chi bộ, chủ tịch công đoàn, bí thư ĐTN	Các đảng viên, đoàn viên, ĐTN	Năm học 2023-2024 và những năm tiếp theo	Không
Tổ chức đi tham quan, học tập kinh nghiệm tại các đơn vị bạn trong huyện, trong tỉnh	Bí thư chi bộ, chủ tịch công đoàn, bí thư ĐTN	Các đảng viên, đoàn viên, ĐTN	Năm học 2023-2024 và những năm tiếp theo	Không
Tổ chức các buổi chuyên đề, lấy ý kiến thảo luận, đề xuất các ý tưởng đổi mới của các thành viên	Bí thư chi bộ, chủ tịch công đoàn, bí thư ĐTN	Các đảng viên, đoàn viên, ĐTN	Năm học 2023-2024	Không
Phân công đảng viên giúp đỡ bồi dưỡng đoàn viên ưu tú để kết nạp Đảng	Bí thư chi bộ	Các Đảng viên, Đoàn viên ưu tú	Năm học 2023-2024 và những năm tiếp theo	Không

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3

Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng

Mức 1:

- a) Có hiệu trưởng, số lượng phó hiệu trưởng theo quy định;
- b) Tổ chuyên môn và tổ văn phòng có cơ cấu tổ chức theo quy định;
- c) Tổ chuyên môn, tổ văn phòng có kế hoạch hoạt động và thực hiện các nhiệm vụ theo quy định.

Mức 2:

- a) Hằng năm, tổ chuyên môn đề xuất và thực hiện được ít nhất 01 (một) chuyên đề chuyên môn có tác dụng nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục;
- b) Hoạt động của tổ chuyên môn và tổ văn phòng được định kỳ rà soát, đánh giá, điều chỉnh.

Mức 3:

- a) Hoạt động của tổ chuyên môn và tổ văn phòng có đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường;
- b) Tổ chuyên môn thực hiện hiệu quả các chuyên đề chuyên môn góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có 01 hiệu trưởng; 02 phó hiệu trưởng, đủ theo quy định tại Thông tư liên tịch số: 06/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16/3/2015 quy định về danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở GDMN công lập [H1-1.4-01].

Nhà trường có 02 tổ chuyên môn gồm: 01 tổ Nhà trẻ + mẫu giáo Bé với 10 giáo viên; 01 tổ mẫu giáo Nhỡ + Lớn + Ghép với 14 giáo viên. Các tổ chuyên môn đều có tổ trưởng và tổ phó theo quy định tại Điều lệ trường mầm non [H1-1.4-02].

Trong năm các tổ chuyên môn đã xây dựng KH hoạt động theo năm học, tháng, tuần. Tổ chuyên môn thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ như: Bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho các tổ viên; kiểm tra, đánh giá chất lượng, hiệu quả công tác nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ; quản lý việc sử dụng tài liệu, đồ dùng, đồ chơi, thiết bị giáo dục, hồ sơ sổ sách; việc thực hiện quy chế chuyên môn; tham gia đánh giá xếp loại CBQL, giáo viên theo chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non, đánh giá viên chức; tổ chức sinh hoạt chuyên môn định kỳ 2 lần/tháng theo quy định [H1-1.4-03]; [H1-1.4-04].

Mức 2:

Tổ chuyên môn căn cứ vào KH thực hiện nhiệm vụ năm học của nhà trường và tình hình thực tế của tổ để đề xuất các chuyên đề chuyên môn với nhà trường. Trong năm tổ chuyên môn đã đề xuất xây dựng được nhiều chuyên đề, các tiết chuyên đề được xây dựng từ những đề xuất thực tế của giáo viên, qua việc tổ chức các tiết chuyên đề để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho đội ngũ giáo viên. Các chuyên đề tổ đã đề xuất trong năm học 2021-2022 như: Trao đổi, chia sẻ việc xây dựng môi trường trong lớp theo hướng mở, lồng ghép tăng cường tiếng Việt, lồng ghép giáo dục bình đẳng giới. Nâng cao kiến thức, kỹ năng cho giáo viên trong việc sử dụng bộ công cụ ELM. Hướng dẫn cách tổ chức các hoạt động phát triển nhận thức cho trẻ mầm non phù hợp với bối cảnh địa phương. Sinh hoạt chuyên môn theo hướng NCBH các chuyên đề: Hoạt động nhận biết, phát triển nhận thức.PTKNXH. Nâng cao chất lượng lồng ghép nội dung BDKH, học tập tư tưởng, phong cách, đạo đức HCM, lồng ghép chương trình” Tôi yêu Việt nam” vào các hoạt động, nâng cao chất lượng tổ chức các hoạt động học lấy trẻ làm trung tâm. Trao đổi, chia sẻ kỹ năng trong việc ứng dụng CNTT vào giảng dạy, cách đánh giá thực hiện chương trình. [H1-1.4-03].

Trong năm các tổ chuyên môn tổ chức hoạt động theo đúng KH, được định kỳ rà soát kiểm tra theo từng tháng từ đó có sự điều chỉnh bổ sung KH các tháng tiếp theo cho phù hợp với điều kiện thực tế của tổ [H1-1.4-03].

Mức 3:

Hoạt động của tổ chuyên môn có đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường như: Tổ chức các chuyên đề, xây dựng khẩu phần, thực đơn đảm bảo dinh dưỡng cho trẻ, phối hợp tổ chức tốt các hội thi, các hoạt động tham quan, lễ hội; Thực hiện bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ 2 lần/tháng theo quy định, kiểm tra, đánh giá chất lượng, hiệu quả công tác

nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ và quản lý sử dụng tài liệu, đồ dùng, đồ chơi, thiết bị dạy học của tổ, tham gia đánh giá chuẩn nghề nghiệp giáo viên, đánh giá nhân viên theo quy định; góp phần nâng cao chất lượng các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ của nhà trường [H1-1.4-03].

Hàng năm các tổ chuyên môn triển khai thực hiện hiệu quả các chuyên đề đã đề xuất với nhà trường góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ [H1-1.4-03].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có 01 hiệu trưởng, 02 phó hiệu trưởng đủ số lượng theo quy định tại Thông tư liên tịch 06/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16/3/2015 quy định về danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở GDMN công lập. Có 02 tổ chuyên môn. Tổ chuyên môn xây dựng KH hoạt động của tổ theo năm học, tháng, tuần, định kỳ sinh hoạt chuyên môn 2 lần/tháng theo quy định của Điều lệ trường mầm non, tổ chức các hoạt động có hiệu quả góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ. Định kỳ thực hiện rà soát, đánh giá, điều chỉnh bổ sung các hoạt động phù hợp với tình hình thực tế của đơn vị.

3. Điểm yếu: Không

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Công việc cần thực hiện	Người Chủ trì	Phối hợp	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Tổ chức có hiệu quả sinh hoạt chuyên môn, chuyên đề tổ theo nghiên cứu bài học. Đổi mới nội dung sinh hoạt tổ chuyên môn: Dành thời gian để trao đổi thảo luận về đổi mới phương pháp giảng dạy lấy trẻ làm trung tâm, ứng dụng CNTT trong các hoạt động...	Phó hiệu trưởng	Tổ trưởng chuyên môn (TTCM), giáo viên	Năm học 2023-2024	Không
Kiểm tra đột xuất và định kỳ về thực hiện nhiệm vụ chuyên môn của giáo viên	Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng	Giáo viên	Năm học 2023-2024	Không

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3

Tiêu chí 1.5: Tổ chức nhóm trẻ và lớp mẫu giáo

Mức 1:

a) Các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo được phân chia theo độ tuổi; trong trường hợp số lượng trẻ trong mỗi nhóm, lớp không đủ 50% so với số trẻ tối đa quy định tại Điều lệ trường mầm non thì được tổ chức thành nhóm trẻ ghép hoặc lớp mẫu giáo ghép;

b) Các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo được tổ chức học 02 buổi trên ngày;

c) Mỗi nhóm trẻ, lớp mẫu giáo có không quá 02 (hai) trẻ cùng một dạng khuyết tật.

Mức 2:

Số trẻ trong các nhóm trẻ và lớp mẫu giáo không vượt quá quy định và được phân chia theo độ tuổi.

Mức 3:

Nhà trường có không quá 20 (hai mươi) nhóm trẻ, lớp mẫu giáo.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Trong năm học vừa qua nhà trường có số lượng trẻ trong mỗi lớp và nhóm trẻ được phân chia theo độ tuổi đảm bảo theo quy định của Điều lệ trường mầm non. Năm học 2021-2022 nhà trường có 12 nhóm trẻ, lớp mẫu giáo với 387 trẻ, trong đó: 03 nhóm trẻ với 100 học sinh, 03 lớp mẫu giáo bé với 79 học sinh, 03 lớp mẫu giáo nhỡ với 98 học sinh, 02 lớp mẫu giáo lớn với 85 học sinh, 01 lớp mẫu giáo ghép 3-4-5 tuổi với 31 trẻ [H1-1.5-01].

100% các nhóm, lớp được tổ chức ăn bán trú học 2 buổi/ngày đảm bảo theo quy định [H1-1.5-02].

Nhà trường có 01 trẻ khuyết tật được học hòa nhập tại lớp mẫu giáo Lớn A2 [H1-1.5-03].

Mức 2:

Số trẻ trong các nhóm trẻ và lớp mẫu giáo của nhà trường đều được phân chia theo độ tuổi. Năm học 2021-2022 nhà trường có 12 nhóm trẻ, lớp mẫu giáo với 387 trẻ, trong đó: 03 nhóm trẻ với 100 học sinh, 03 lớp mẫu giáo bé với 79 học sinh, 03 lớp mẫu giáo nhỡ với 98 học sinh, 02 lớp mẫu giáo lớn với 85 học sinh, 01 lớp mẫu giáo ghép 3-4-5 tuổi với 31 trẻ [H1-1.5-01].

Mức 3:

Năm 2021-2022 nhà trường không vượt quá 20 (hai mươi) nhóm trẻ, lớp mẫu giáo cụ thể: Năm học 2021 - 2022 là 12 nhóm trẻ, lớp mẫu giáo trong đó có 3 nhóm trẻ, 9 lớp mẫu giáo [H1-1.5-01].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có số lượng trẻ trong mỗi nhóm trẻ, lớp mẫu giáo được phân chia theo độ tuổi đảm bảo theo quy định của Điều lệ trường mầm non. 100% các lớp được học 2 buổi/ngày và ăn bán trú tại trường. Năm 2021-2022 nhà trường có trẻ khuyết tật học hòa nhập và không vượt quá 20 (hai mươi) nhóm trẻ, lớp mẫu giáo.

3. Điểm yếu: Không

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Công việc cần thực hiện	Người Chủ trì	Phối hợp	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Xây dựng KH phát triển sự nghiệp giáo dục và giao chỉ tiêu huy động trẻ cho từng giáo viên đảm bảo số học sinh/lớp mẫu giáo đơn theo quy định.	Hiệu trưởng	Giáo viên	01/8	Không
Tiếp tục tham mưu với các cấp mở rộng diện tích đất xây thêm phòng học để bố trí đủ số lượng học sinh phân chia theo độ tuổi.	Hiệu trưởng	Các tổ chức đoàn thể	Năm học 2023-2024 và những năm tiếp theo	Không

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3

Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản

Mức 1:

a) Hệ thống hồ sơ của nhà trường được lưu trữ theo quy định;

b) Lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và tài sản; công khai và định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định; quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành;

c) Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động giáo dục.

Mức 2:

a) Ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của thanh tra, kiểm toán.

Mức 3:

Có kế hoạch ngắn hạn, trung hạn, dài hạn để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có đầy đủ các loại hồ sơ sổ sách đảm bảo theo quy định của Điều lệ trường mầm non. Hệ thống hồ sơ của nhà trường được lưu trữ đầy đủ theo quy định tại mục 1 chương II của Luật Lưu trữ bao gồm các hồ sơ như: Hồ sơ quản lý chuyên môn [H1-1.4-03]; Hồ sơ quản lý trẻ em [H1-1.5-01]; Hồ sơ quản lý trẻ em học hòa nhập [H1-1.5-03]; Hồ sơ quản lý nhân sự [H1-1.6-01]; Sổ lưu trữ công văn đi, công văn đến [H1-1.6-02]; Hồ sơ quản lý tài sản, CSVC, tài chính [1.6-03]; Hồ sơ quản lý bán trú [H1-1.6-04].

Nhà trường lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và tài sản đúng quy định; công khai và định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định; quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành. Hằng năm nhà trường làm tốt công tác quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động chăm sóc giáo dục [1.6-03]; [H1-1.6-05].

Mức 2:

Trong năm học nhà trường đã đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường. Hệ thống máy tính được kết nối mạng Internet, sử dụng phần mềm Misa phục vụ cho công tác quản lý hành chính, tài chính, tài sản [1.6-06]. Sử dụng phần mềm phổ cập và cơ sở dữ liệu quốc gia trong các hoạt động giáo dục của nhà trường [1.6-07].

Trong năm tính đến thời điểm năm 2021 nhà trường được Phòng giáo dục kiểm tra đánh giá, kết luận thực hiện tốt việc quản lý hành chính, tài chính, tài sản, lưu trữ các chứng từ đầy đủ, khoa học không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính, tài sản [1.6-03].

Mức 3:

Nhà trường xây dựng KH ngắn hạn, trung hạn, dài hạn đề nghị phòng Giáo dục và Đào tạo xây dựng KH giao ngân sách nhà nước để nhà trường hoạt động phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương và các quy định của pháp luật. Nhà trường quản lý, sử dụng có hiệu quả các nguồn tài chính từ ngân sách nhà nước cấp và kinh phí xã hội hóa giáo dục (XHHGD); khai thác và sử dụng có hiệu quả CSVC hiện có để phục vụ cho các hoạt động giáo dục [1.6-03].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đầy đủ hồ sơ phục vụ hoạt động của nhà trường theo quy định của Điều lệ trường mầm non như: Hồ sơ quản lý tài sản; hồ sơ quản lý tài chính; hồ sơ quản lý bán trú; Quy chế chi tiêu nội bộ. Nhà trường lưu trữ đầy đủ, khoa học hồ sơ, văn bản theo quy định của Luật lưu trữ. Thực hiện tốt việc ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) trong quản lý hành chính, tài chính và tài sản. Nhà trường lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và tài sản đúng quy định; công khai và định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định; quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành. Tính đến thời điểm năm 2021, nhà trường không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của Phòng GD&ĐT. Nhà trường quản lý, sử dụng có hiệu quả các nguồn tài chính từ ngân sách nhà nước cấp và kinh phí XHHGD; khai thác và sử dụng có hiệu quả CSVC hiện có để phục vụ cho các hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

3. Điểm yếu: Không

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Công việc cần thực hiện	Người Chủ trì	Phối hợp	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Tiếp tục chỉ đạo việc lưu trữ hồ sơ sổ sách của nhà trường theo quy định. Lập KH dự toán ngân sách để huy động các nguồn lực, tạo ra các nguồn tài chính phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế của địa phương.	Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng	Phó hiệu trưởng, giáo viên, nhân viên y sỹ, kế toán	Năm học 2023-2024 và các năm tiếp theo 25/12	Không
Quản lý, khai thác, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực tài chính, CSVC của nhà trường.	Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng,	Giáo viên, nhân viên y sỹ, kế toán	Năm học 2023-2024 và các năm tiếp theo	Không

Hàng năm xây dựng KH vận động tài trợ tuyên truyền tới nhân dân, các đoàn thể, các tổ chức chính trị xã hội, các doanh nghiệp, các cá nhân và các bậc cha mẹ trẻ về công tác XHHGD nhằm nâng cao chất lượng CSGD trẻ trong nhà trường.	Hiệu trưởng	Kế toán	Năm học 2023-2024 và các năm tiếp theo	Không
Hàng năm xây dựng KH trung hạn, dài hạn để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế của địa phương.			Năm học 2023-2024 và các năm tiếp theo	

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3

Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên

Mức 1:

a) Có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên;

b) Phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên rõ ràng, hợp lý, đảm bảo hiệu quả hoạt động của nhà trường;

c) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được đảm bảo các quyền theo quy định.

Mức 2:

Có biện pháp để phát huy được năng lực của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có KH bồi dưỡng thường xuyên, bồi dưỡng chuyên môn cho đội ngũ giáo viên và nhân viên, mỗi CBQL, giáo viên đều có KH tự bồi dưỡng thường xuyên [H1-1.4-03].

Trong năm nhà trường thực hiện phân công nhiệm vụ, sử dụng CBQL, giáo viên, nhân viên đảm bảo hợp lý, phù hợp với năng lực sở trường công tác, đảm bảo hiệu quả nhằm phát huy khả năng của mỗi cá nhân trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường [H1-1.7-01].

29/29 CBQL, giáo viên, nhân viên được đảm bảo các quyền theo quy định tại Điều 37 Điều lệ trường mầm non như: Được đảm bảo các điều kiện để thực hiện nhiệm vụ nuôi dưỡng CSGD trẻ, được đào tạo nâng cao trình độ bồi dưỡng chuyên môn, được hưởng lương phụ cấp và các chế độ khác theo quy định, được hưởng mọi quyền lợi về vật chất, tinh thần, được chăm sóc, bảo vệ sức khỏe theo chế độ, chính sách quy định, được bảo vệ nhân phẩm danh dự và được thực hiện các quyền khác theo quy định của pháp luật [H1-1.2-04]; [1.6-03].

Mức 2:

Trong năm nhà trường có các biện pháp để phát huy năng lực của CBQL, giáo viên, nhân viên. Nhà trường tạo điều kiện cho CBQL, giáo viên,

nhân viên tham gia các lớp bồi dưỡng, tập huấn nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ như: Tham gia học lớp bồi dưỡng lý luận chính trị, chức danh nghề nghiệp, tin học, ngoại ngữ... Tổ chức có hiệu quả các hoạt động giáo dục góp phần phát triển và nâng cao chất lượng toàn diện của nhà trường [H1-1.2-04].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có KH bồi dưỡng thường xuyên, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ CBQL, giáo viên và nhân viên, tạo điều kiện cho CBQL, GV, NV theo học các lớp nâng cao trình độ. Nhà trường phân công nhiệm vụ phù hợp với khả năng, năng lực của từng CB, GV, NV đảm bảo hợp lý, hiệu quả trong các hoạt động của nhà trường. 100% CBQL, giáo viên, nhân viên được bảo đảm các quyền theo quy định.

3. Điểm yếu: Không

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Công việc cần thực hiện	Người Chủ trì	Phối hợp	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Xây dựng KH bồi dưỡng thường xuyên, bồi dưỡng chuyên môn cho đội ngũ CBQL, giáo viên và nhân viên	Hiệu trưởng	Giáo viên, nhân viên	15/8	Không
Động viên và tạo điều kiện cho NV tham gia học các lớp nâng chuẩn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ	Hiệu trưởng	Nhân viên	Năm học 2023-2024 và các năm tiếp theo	Không
Phân công nhiệm vụ phù hợp với năng lực sở trường của từng người	Hiệu trưởng	PHT, giáo viên, nhân viên	01/8	Không
Khen thưởng, động viên kịp thời cho CBQL, GV, NV	Hiệu trưởng	PHT, giáo viên, nhân viên	30/5	Không
Tham mưu mở các lớp bồi dưỡng tập huấn nghiệp vụ cho các nhân viên	Hiệu trưởng	Nhân viên	Năm học 2023-2024 và các năm tiếp theo	Không

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục

Mức 1:

a) Kế hoạch giáo dục phù hợp với quy định hiện hành, điều kiện thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường;

b) Kế hoạch giáo dục được thực hiện đầy đủ;

c) Kế hoạch giáo dục được rà soát, đánh giá, điều chỉnh kịp thời.

Mức 2:

Các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá của nhà trường đối với các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ, được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Trong năm, nhà trường căn cứ vào Chương trình GDMN do Bộ GD&ĐT ban hành để chỉ đạo xây dựng chương trình giáo dục nhà trường, lựa chọn mục tiêu, nội dung, hoạt động phù hợp với nhận thức của học sinh, đảm bảo mục tiêu cuối độ tuổi, phù hợp với điều kiện của lớp, của trường và địa phương [H1-1.8-01].

Nhà trường chỉ đạo giáo viên xây dựng và thực hiện đầy đủ KH giáo dục của nhóm, lớp, đảm bảo đạt hiệu quả tốt các hoạt động CSGD trẻ theo quy định của trường, của ngành và địa phương [H1-1.8-02].

Nhà trường, tổ chuyên môn thường xuyên kiểm tra, rà soát, đánh giá và điều chỉnh kịp thời cho phù hợp với điều kiện thực tế của từng nhóm, lớp [H1-1.4-03]; [H1-1.8-03].

Mức 2:

Trong năm nhà trường xây dựng KH kiểm tra nội bộ, kiểm tra đánh giá các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ của từng nhóm, lớp, được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả. Chất lượng CSGD trẻ qua từng năm được nâng lên một cách rõ rệt, được thể hiện qua các hội thi của trẻ trong các năm học luôn được khen thưởng, đạt kết quả cao [H1-1.2-02].

2. Điểm mạnh

Nhà trường xây dựng kế thực hiện nhiệm vụ năm học, KH chỉ đạo chuyên môn, chỉ đạo giáo viên xây dựng KH giáo dục đầy đủ, phù hợp với quy định hiện hành, điều kiện địa phương, thực tế của nhà trường và nhận thức của học sinh. Đồng thời đưa ra các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá đối với các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ, được cơ quan quản lý đánh giá đạt kết quả các hội thi của trẻ

3. Điểm yếu: Không

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Công việc cần thực hiện	Người Chủ trì	Phối hợp	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Xây dựng KH giáo dục nhà trường phù hợp với địa phương	Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng	TTCM, giáo viên cốt cán	10/8	Không
Kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ chuyên môn của đội ngũ	Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, TTCM	Giáo viên	Năm học 2023-2024 và các năm tiếp theo	Không
Điều chỉnh KH phù hợp với tình hình thực tế của trường	Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng	Giáo viên	Trong năm học	Không

Tăng cường tổ chức các buổi thảo luận sinh hoạt tổ, nhóm chuyên môn, tham gia các lớp tập huấn chuyên môn của Phòng Giáo dục và Đào tạo.	Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng	TTCM, giáo viên	Năm học 2023-2024 và các năm tiếp theo	Không
--	------------------------------	-----------------	--	-------

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở

Mức 1:

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường;

b) Các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh (nếu có) thuộc thẩm quyền xử lý của nhà trường được giải quyết đúng pháp luật;

c) Hằng năm, có báo cáo thực hiện quy chế dân chủ cơ sở.

Mức 2:

Các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ trong nhà trường đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Trong năm, CBQL, giáo viên, nhân viên trong trường được tham gia, thảo luận đóng góp ý kiến khi xây dựng KH, nội quy, quy định và quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường tại Hội nghị cán bộ viên chức đầu năm như: Các mục tiêu, nhiệm vụ, phương hướng phát triển nhà trường, các quy chế dân chủ, quy tắc ứng xử văn hóa trường học, quy chế chuyên môn, quy chế quản lý tài sản, thực hiện huy động trẻ ra lớp và các quy định khác liên quan đến các hoạt động của nhà trường [H1-1.1-06]; [H1-1.9-01]; [H1-1.9-02]; [H1-1.9-03].

Nhà trường luôn thực hiện tốt, đầy đủ các chế độ chính sách theo quy định, đúng pháp luật, không có đơn thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của CBQL, giáo viên, nhân viên, cha mẹ trẻ trong việc thực hiện nhiệm vụ giáo dục và các hoạt động khác của nhà trường [H1-1.3-09].

Trong năm nhà trường làm tốt công tác báo cáo kịp thời lên cấp trên về kết quả thực hiện quy chế dân chủ tại đơn vị, có các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ trong nhà trường đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả [H1-1.9-03].

Mức 2:

Ban thanh tra nhân dân của nhà trường giám sát việc thực hiện Quy chế dân chủ như: Công khai chất lượng chăm sóc giáo dục, chất lượng đội ngũ, chất lượng trẻ, tài chính, tài sản, các KH của nhà trường, thi đua, nâng lương, công tác Đảng, các văn bản liên quan đến chế độ chính sách CBQL, giáo viên, nhân viên và kết quả xã hội hóa một cách công khai, minh bạch trên bảng tin, bảng công khai, báo cáo tổng kết năm học của nhà trường [H1-1.9-04].

2. Điểm mạnh

Trong năm CBQL, giáo viên, nhân viên trong nhà trường được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng KH, nội quy, quy chế của nhà trường.

Trường không có đơn thư khiếu nại, tố cáo; có biện pháp, cơ chế giám sát việc thực hiện theo quy định, đảm bảo công khai, minh bạch dưới mọi hình thức trong các hoạt động của nhà trường. Trong năm, nhà trường báo cáo việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở với phòng Giáo dục và Đào tạo đúng quy định. Thực hiện nghiêm túc theo đúng quy chế nhà trường đã xây dựng đảm bảo công khai, minh bạch.

3. Điểm yếu: Không

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Công việc cần thực hiện	Người Chủ trì	Phối hợp	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Công khai KH của nhà trường	Hiệu trưởng	PHT, giáo viên, nhân viên	20/9	Không
Lấy ý kiến dân chủ, bàn bạc của đội ngũ trong nhà trường trước khi thực hiện các nội dung	Hiệu trưởng	Đội ngũ CBQL, giáo viên, nhân viên	10/9	Không
Lắng nghe ý kiến, khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của đội ngũ, phụ huynh và cộng đồng để kịp thời giải quyết	Hiệu trưởng	Giáo viên, phụ huynh, cộng đồng	Trong năm học	Không
Nêu cao tinh thần phê và tự phê của mỗi cá nhân trong các buổi họp và trong các buổi đánh giá xếp loại cuối năm	Hiệu trưởng	CBQL, giáo viên, nhân viên	25/5	Không

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học

Mức 1:

a) Có phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường; những trường có tổ chức bếp ăn cho trẻ được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm;

b) Có hộp thư góp ý, đường dây nóng và các hình thức khác để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của người dân; đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và trẻ trong nhà trường;

c) Không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường.

Mức 2:

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và trẻ được phổ biến, hướng dẫn, thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy nổ; an toàn

phòng, chống thảm họa thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường;

b) Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường xây dựng đầy đủ các loại phương án thực hiện theo giai đoạn, theo năm học như: Phương án đảm bảo an ninh trật tự [H1-1.10-01]; Phương án phòng chống ngộ độc thực phẩm [H1-1.10-02]; Phương án phòng chống tai nạn thương tích H1-1.10-03]; Phương án an toàn, phòng chống cháy nổ [H1-1.10-04]; Phương án an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai [H1-1.10-05]; Phương án phòng chống dịch bệnh [H1-1.10-06]; Phương án phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường [H1-1.10-07]. Nhà trường tổ chức bếp ăn cho trẻ và đã ký bản cam kết đảm bảo VSATTP với Chi cục VSATTP và Phòng GD&ĐT [1.10-08].

Nhà trường có hòm thư góp ý được đặt ở nơi thuận lợi, có số điện thoại đường dây nóng để tiếp nhận, xử lý kịp thời các thông tin phản ánh của CB, GV, NV, phụ huynh học sinh, của người dân, các tổ chức, cá nhân tham gia đóng góp ý kiến. Đảm bảo an toàn cho CBQL, giáo viên, nhân viên và trẻ trong nhà trường [1.10-09].

Trong năm học không có trường hợp nào có hiện tượng kỳ thị, không có CBQL, giáo viên, nhân viên nào có hành vi bạo lực với trẻ em và những hành vi vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường [H1-1.2-04].

Mức 2:

Nhà trường đã phổ biến, hướng dẫn cho tất cả cán bộ, quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh thực hiện các phương án như: Phương án đảm bảo an ninh trật tự; Phương án phòng chống ngộ độc thực phẩm; Phương án phòng chống tai nạn thương tích; Phương án an toàn, phòng chống cháy nổ; Phương án an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; Phương án phòng chống dịch bệnh; Phương án phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường thông qua các cuộc họp, sinh hoạt chuyên môn qua hệ thống bảng tuyên truyền của nhà trường; phối hợp với Công an xã trong việc đảm bảo công tác an ninh trật tự trong nhà trường, tổ chức cho CB, GV, NV tập huấn về công tác phòng chống cháy nổ [H1-1.2-04].

Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, đảm bảo an ninh trật tự. Có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả. Trong các năm học không có hiện tượng bạo lực học đường trong nhà trường [H1-1.2-04].

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã xây dựng phương án cụ thể về đảm bảo an ninh trật tự trong nhà trường: xây dựng phương án phòng chống cháy nổ, trang bị đầy đủ phương tiện phòng chống cháy nổ. Triển khai và hướng dẫn cụ thể tới toàn thể CBQL, GV, NV phương án đảm bảo an ninh trật tự trong nhà trường, phương án phòng chống cháy nổ, phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội

và phòng, chống bạo lực trong nhà trường. Nhà trường có hòm thư góp ý để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của người dân; đảm bảo an toàn cho CBQL, giáo viên, nhân viên và trẻ trong nhà trường. Nhà trường thường xuyên kiểm tra thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả. Thường xuyên kiểm tra, đôn đốc, quán triệt giáo viên nhân viên thực hiện tốt công tác CSGD trẻ. Tuyệt đối không có biểu hiện kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường.

3. Điểm yếu: Không

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Công việc cần thực hiện	Người Chủ trì	Phối hợp	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Tiếp tục xây dựng các phương án đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học	Hiệu trưởng	Phó hiệu trưởng, giáo viên, nhân viên	15/9	Không
Giao nhiệm vụ cụ thể cho bảo vệ tăng cường kiểm tra công tác bảo đảm an ninh trật tự trường học, giáo viên chủ nhiệm các lớp để đảm bảo an toàn tuyệt đối cho trẻ	Hiệu trưởng	Nhân viên bảo vệ, giáo viên	01/8	Không
Phối kết hợp chặt chẽ với công an xã trên địa bàn để đảm bảo an ninh trật tự cho nhà trường	Hiệu trưởng	Công an xã	Năm học 2023-2024 và các năm tiếp theo	Không
Mua sắm bổ sung thiết bị phòng cháy, chữa cháy	Hiệu trưởng	Giáo viên, nhân viên	10/9	3.000.000
Đăng ký tập huấn cho CB, GV, NV về cách phòng cháy, chữa cháy để kịp thời xử lý khi có sự cố cháy nổ xảy ra.	Hiệu trưởng	PHT, giáo viên, nhân viên	15/8	Không

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Kết luận về tiêu chuẩn 1

Nhà trường có phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường và được cụ thể hóa thành các nhiệm vụ cụ thể trong năm học. Có cơ cấu tổ chức bộ máy theo quy định tại Điều lệ trường mầm non. Có chi bộ Đảng và các đoàn thể hoạt động theo đúng quy định và Điều lệ của từng tổ chức. Có Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng, tổ chuyên môn. Trường có 03 nhóm trẻ, 9 lớp mẫu giáo được phân chia theo đúng độ tuổi và học 2 buổi/ngày. Hệ thống hồ sơ đầy đủ và được lưu trữ theo quy định của Luật lưu trữ, hằng năm quản lý tài chính, tài sản đúng mục đích có hiệu quả trong các hoạt động giáo dục, trong năm 2021, nhà trường không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành

chính, tài chính và tài sản theo kết luận của thanh tra, kiểm toán. Có KH bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho CBQL, giáo viên, nhân viên. Phân công, sử dụng đội ngũ hợp lý, hiệu quả, đảm bảo được các quyền, chế độ theo quy định. Quản lý tốt các hoạt động giáo dục, xây dựng KH hoạt động phù hợp với quy định, điều kiện thực tế, đảm bảo mục tiêu giáo dục, định kỳ có rà soát, đánh giá, điều chỉnh, bổ sung kịp thời, chất lượng CSGD trẻ đạt hiệu quả. Thực hiện tốt quy chế dân chủ và đầy đủ các phương án đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học.

Tổng số tiêu chí của tiêu chuẩn 1: 10 tiêu chí

+ Số tiêu chí đạt yêu cầu: 10

+ Số tiêu chí không đạt yêu cầu: 0

Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

Mở đầu:

Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng nhà trường có nhiều năm công tác liên tục trong GDMN, có trình độ đào tạo trên chuẩn, đã được bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý giáo dục và trung cấp lý luận chính trị; có năng lực quản lý nhà trường và khả năng ứng dụng CNTT trong công tác quản lý và chỉ đạo chuyên môn. Đội ngũ giáo viên, nhân viên nhà trường đảm bảo đủ về số lượng, hợp lý về cơ cấu. Đội ngũ có phẩm chất đạo đức tốt, tâm huyết với nghề nghiệp, có trình độ đào tạo trên chuẩn đạt ở mức cao. Chất lượng, năng lực đội ngũ đã từng bước được nâng lên đáp ứng với nhiệm vụ CSGD trẻ theo chương trình GDMN và yêu cầu đổi mới về GDMN trong giai đoạn hiện nay. Đội ngũ được bố trí công việc phù hợp với vị trí việc làm, giúp phát huy khả năng, năng lực của từng cá nhân. Cán bộ, giáo viên và nhân viên của nhà trường đều được tham gia các lớp bồi dưỡng để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, được đảm bảo các quyền lợi, chế độ chính sách của Đảng, Nhà nước, của ngành, hàng năm CBQL, GV được đánh giá xếp loại theo chuẩn Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non đạt ở mức khá cao. Không có cán bộ, giáo viên và nhân viên vi phạm pháp luật.

Tiêu chí 2.1: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng

Mức 1:

a) Đạt tiêu chuẩn theo quy định;

b) Được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng trở lên;

c) Được bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục theo quy định.

Mức 2:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 02 năm được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên;

b) Được bồi dưỡng, tập huấn về lý luận chính trị theo quy định; được giáo viên, nhân viên trong trường tín nhiệm.

Mức 3:

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 01 năm đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức tốt.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có 01 Hiệu trưởng, 02 phó hiệu trưởng đều đáp ứng được các tiêu

chuẩn, quy định tại Điều 9 và Điều 11 Điều lệ trường mầm non. Hiệu trưởng có thời gian công tác liên tục trong GDMN 15 năm, phó hiệu trưởng có thời gian công tác liên tục trong GDMN 16 năm trở lên [H1-1.4-01]. Hiệu trưởng và phó hiệu trưởng đều tốt nghiệp đại học sư phạm mầm non, có bằng Trung cấp lý luận chính trị, đã hoàn thành bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý giáo dục, có uy tín về phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống, chuyên môn, nghiệp vụ, đủ sức khỏe và năng lực quản lý, điều hành các hoạt động của nhà trường [H2-2.1-01].

Trong năm, Hiệu trưởng, các phó hiệu trưởng được Phòng GD&ĐT Huyện Điện Biên đánh giá xếp loại theo chuẩn Hiệu trưởng đạt loại tốt [H1-1.4-04].

Trong năm CBQL được bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục theo quy định như: Bồi dưỡng chính trị, chuyên môn hè, bồi dưỡng các chuyên đề các cấp... [H2-2.1-02].

Mức 2:

Tính đến thời điểm đánh giá Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng được Phòng GD&ĐT đánh giá xếp loại tốt theo Chuẩn hiệu trưởng [H1-1.4-04].

Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng có bằng trung cấp lý luận chính trị [H2-2.1-01]. Trong quá trình công tác hiệu trưởng, phó hiệu trưởng luôn được sự tin nhiệm của tập thể giáo viên, nhân viên trong trường đánh giá tốt về phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống và năng lực chuyên môn nghiệp vụ, luôn hoàn thành tốt các nhiệm vụ, được lãnh đạo các cấp đánh giá cao và khen thưởng [H2-2.1-03]; [H2-2.1-04].

Mức 3:

Trong năm tính đến thời điểm đánh giá, Hiệu trưởng được Phòng GD&ĐT đánh giá đạt chuẩn Hiệu trưởng ở mức tốt [H1-1.4-04].

2. Điểm mạnh

100% cán bộ quản lý trong nhà trường đảm bảo các yêu cầu theo quy định về trình độ đào tạo, năm công tác theo quy định. Tham gia đầy đủ các lớp bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục, lý luận chính trị. Có uy tín về phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống, chuyên môn, nghiệp vụ, có năng lực tổ chức, quản lý điều hành các hoạt động của nhà trường. Hiệu trưởng được đánh giá chuẩn Hiệu trưởng đạt mức khá trở lên, trong đó có 4 năm hiệu trưởng đạt ở mức tốt.

3. Điểm yếu: Không.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/ công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
- Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng tiếp tục tham gia bồi dưỡng, nâng cao về lý luận chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục. Nâng cao uy tín về phẩm chất chính	Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng	KH	Trong năm học tiếp theo	Ngân sách nhà nước

trị, đạo đức, lối sống, có đủ sức khỏe.				
---	--	--	--	--

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên

Mức 1:

- a) Có đội ngũ giáo viên về số lượng, hợp lý về cơ cấu đảm bảo thực hiện Chương trình giáo dục mầm non theo quy định;
- b) 100% giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định;
- c) Có ít nhất 95% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên.

Mức 2:

- a) Tỷ lệ giáo viên đạt trên chuẩn trình độ đào tạo đạt ít nhất 55%; đối với các trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 40%; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tỷ lệ giáo viên trên chuẩn trình độ đào tạo được duy trì ổn định và tăng dần theo lộ trình phù hợp;
- b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên, trong đó có ít nhất 60% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên và ít nhất 50% ở mức khá trở lên đối với trường thuộc vùng khó khăn;
- c) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3:

- a) Tỷ lệ giáo viên đạt trên chuẩn trình độ đào tạo đạt ít nhất 65%, đối với các trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 50%;
- b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 80% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 30% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt; đối với trường thuộc vùng khó khăn có ít nhất 70% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 20% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Năm học 2021-2022 nhà trường có 24 giáo viên, đảm bảo đủ về số lượng, bố trí hợp lý về cơ cấu đáp ứng thực hiện chương trình GDMN theo quy định tại Thông tư liên tịch số 06/2015/TTLT-BGD&ĐT-BNV của Bộ GD&ĐT về việc hướng dẫn định mức biên chế sự nghiệp trong các cơ sở GDMN công lập [H1-1.6-01].

100% giáo viên trong trường có trình độ đào tạo đạt trên chuẩn: 24/24 đạt 100% [H2-2.2-01].

Nhà trường có 24/24 giáo viên được đánh giá xếp loại chuẩn nghề nghiệp giáo viên từ mức khá trở lên. Trong đó 8/24 đạt 33,3% ở mức tốt theo Chuẩn nghề nghiệp giáo viên, 100% giáo viên thực hiện tốt nhiệm vụ CSGD trẻ [H1-1.4-04].

Mức 2:

Trong năm tính đến thời điểm đánh giá nhà trường có 100% giáo viên trên

chuẩn về trình độ đào tạo. Tỷ lệ giáo viên có trình độ trên chuẩn đào tạo được duy trì ổn định và tăng dần theo lộ trình [H2-2.2-01].

Trong năm tính đến thời điểm đánh giá, có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có 33,3% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt [H1-1.4-04].

Trong năm học 2021-2022, nhà trường không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên [H1-1.3-09].

Mức 3:

Nhà trường có 100% giáo viên đạt trên chuẩn trình độ đào tạo [H2-2.2-01].

Tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có 33,3 % đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non ở mức tốt [H1-1.4-04].

2. Điểm mạnh

Trong năm nhà trường có đủ số lượng giáo viên, hợp lý về cơ cấu đảm bảo thực hiện chương trình GDMN theo quy định. 100% giáo viên đạt trình độ trên chuẩn. Hằng năm công tác đánh giá, xếp loại giáo viên theo chuẩn nghề nghiệp được triển khai và thực hiện nghiêm túc. Năm học 2021-2022 đến thời điểm đánh giá, nhà trường có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp ở mức đạt trở lên, trong đó có 33,3 % đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt. Trong 5 năm tính đến thời điểm đánh giá không có giáo viên bị kỷ luật từ mức cảnh cáo.

3. Điểm yếu: Không

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/ công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho giáo viên xếp loại chuẩn nghề nghiệp ở mức khá thông qua các hoạt động tập huấn, sinh hoạt chuyên môn, dự giờ thăm lớp để nâng cao tỷ lệ xếp loại chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non ở mức tốt.	BGH+ GV	KH thực hiện	Năm học 2023-2024 và các năm tiếp theo	Không

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên

Mức 1:

a) Có nhân viên hoặc giáo viên kiêm nhiệm để đảm nhiệm các nhiệm vụ do hiệu trưởng phân công;

b) Được phân công công việc phù hợp, hợp lý theo năng lực;

c) Hoàn thành các nhiệm vụ được giao.

Mức 2:

- a) Số lượng và cơ cấu nhân viên đảm bảo theo quy định;
- b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3:

- a) Có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm;
- b) Hằng năm, được tham gia đầy đủ các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có 05 nhân viên, kể cả biên chế, hợp đồng theo nghị định 161 sửa đổi bổ sung và hợp đồng ngắn hạn theo quy định gồm: 01 nhân viên kế toán- kiêm văn thư; 01 nhân viên bảo vệ; 03 nhân viên nấu ăn hợp đồng ngắn hạn [H1-1.6-01].

Các nhân viên trong nhà trường được hiệu trưởng phân công công việc rõ ràng, phù hợp với khả năng, năng lực, trình độ chuyên môn và nhu cầu lao động của từng đồng chí [H1-1.7-01].

Nhân viên trong nhà trường thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ được giao, thực hiện đúng nội quy, quy chế chuyên môn, nghiệp vụ, làm tốt công tác quản lý tài chính, tài sản, công tác tổ chức nấu ăn cho trẻ, công tác chăm sóc sức khỏe và bảo quản tốt CSVN trong nhà trường và hằng năm đều được hiệu trưởng đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên [H1-1.4-04].

Mức 2:

Nhà trường có 05 nhân viên, kể cả biên chế, hợp đồng theo nghị định 68, nghị định 161 sửa đổi bổ sung và hợp đồng ngắn hạn theo quy định tại khoản 3 Điều 4 và khoản 4 Điều 5 Thông tư liên tịch số 06/2015/TTLT-BGD&ĐT-BNV ngày 16/3/2015 của Bộ GD&ĐT và Bộ nội vụ, quy định về danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở GDMN công lập [H1-1.6-01]. Số lượng người nấu ăn chưa đủ định mức theo quy định do nhân dân đời sống còn khó khăn nên mức đóng góp để thuê người nấu ăn cho trẻ thấp, chưa đủ để thuê thêm người làm công tác nấu ăn cho trẻ. Hiện tại trường đang bố trí nhân viên phục vụ, y tế, bảo vệ, kế toán hỗ trợ công tác nấu ăn cho trẻ [H1-1.7-01].

Trong năm tính đến thời điểm đánh giá, 100% nhân viên trong nhà trường thực hiện tốt nhiệm vụ được giao, không có nhân viên bị kỷ luật [H1-1.2-04].

Mức 3:

Nhân viên có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm: Nhân viên kế toán có bằng tốt nghiệp đại học theo đúng chuyên môn được giao [H2-2.3-01].

Trong năm nhà trường có nhân viên y tế kiêm nhiệm phụ trách công tác bán trú, nhân viên nấu ăn được bồi dưỡng kiến thức VSATTP, nhân viên bảo vệ được bồi dưỡng về nghiệp vụ phòng cháy chữa cháy, nhân viên kế toán được bồi dưỡng nghiệp vụ kế toán [H1-1.7-01]; [H2-2.3-02].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có 05 nhân viên, kể cả biên chế, nghị định 161 sửa đổi bổ sung và hợp đồng ngắn hạn theo quy định. Nhân viên kế toán có bằng tốt nghiệp đại học

theo đúng chuyên môn được giao. Nhân viên nấu ăn có đầy đủ giấy khám sức khỏe hàng năm, được tham gia các lớp tập huấn về công tác VSATTP. Nhân viên trong trường đã thực hiện đầy đủ, nghiêm túc nhiệm vụ theo công việc chuyên môn và các nhiệm vụ kiêm nhiệm khác được giao. Hàng năm được tham gia đầy đủ các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm. Trong năm tính đến thời điểm đánh giá, 100% nhân viên trong nhà trường thực hiện tốt nhiệm vụ được giao, không có nhân viên bị kỉ luật.

3. Điểm yếu:

Nhà trường không có nhân viên y tế. Phòng bố trí nhân viên y tế kiêm nhiệm.

Số lượng người nấu ăn chưa đủ định mức theo quy định do đời sống nhân dân còn khó khăn nên mức đóng góp để thuê người nấu ăn cho trẻ thấp, chưa đủ để thuê thêm người làm công tác nấu ăn cho trẻ. Hiện tại trường đang bố trí nhân viên phục vụ, kế toán, bảo vệ kiêm nhiệm, hỗ trợ công tác nấu ăn cho trẻ.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/ công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
<ul style="list-style-type: none"> - Nhà trường tiếp tục tạo điều kiện cho đội ngũ nhân viên tham gia học tập, bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ tay nghề theo yêu cầu của nhà trường. - Tích cực tham mưu với UBND xã, phối hợp với ban đại diện cha mẹ học sinh (BĐDCMHS) vận động các bậc phụ huynh ủng hộ kinh phí để hợp đồng thêm nhân viên nấu ăn. - Phân công nhiệm vụ cho các nhân viên kiêm nhiệm công tác nấu ăn cho trẻ 	Hiệu trưởng, nhân viên	KH bồi dưỡng	Năm học 2023-2024 và các năm tiếp theo 15/8 01/8	Không

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Kết luận về Tiêu chuẩn 2

Hiệu trưởng, các phó hiệu trưởng nhà trường có thời gian công tác lâu năm trong ngành GDMN, đạt trên chuẩn về trình độ đào tạo, có trình độ lý luận chính trị và đã được bồi dưỡng về nghiệp vụ quản lý giáo dục, có phẩm chất đạo đức tốt, có năng lực trong quản lý trường mầm non, nắm vững chương trình GDMN, có khả năng ứng dụng CNTT tốt trong quản lý, chỉ đạo chuyên môn.

Đội ngũ giáo viên, nhân viên của trường đủ về số lượng và đáp ứng yêu cầu về chất lượng chuyên môn, nghiệp vụ. Giáo viên thực hiện nghiêm túc công tác chăm sóc - giáo dục trẻ theo chương trình GDMN, có tinh thần học tập, bồi dưỡng

về mọi mặt để thực hiện chương trình GDMN, đáp ứng với yêu cầu đổi mới về GDMN trong giai đoạn hiện nay. 100% giáo viên xếp loại khá, tốt theo quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non. Giáo viên, nhân viên trong trường hàng năm được tham gia các lớp bồi dưỡng chuyên môn, các lớp nâng chuẩn.

Tuy nhiên, số lượng người nấu ăn chưa đủ định mức theo quy định. Hiện tại trường đang bố trí nhân phục vụ, y tế, bảo vệ, kế toán kiêm nhiệm, hỗ trợ công tác nấu ăn cho trẻ.

- Tổng số tiêu chí của tiêu chuẩn 2: 3 tiêu chí

+ Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 3 tiêu chí

+ Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 0

Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học

Mở đầu:

Cơ sở vật chất, thiết bị của nhà trường là điều kiện quan trọng để thực hiện tốt nhiệm vụ CSGD trẻ. Chính vì lẽ đó trong những năm qua nhà trường luôn quan tâm đến việc xây dựng CSVC, mua sắm thiết bị để đáp ứng yêu cầu dạy và học. Nhà trường có đủ diện tích đất sử dụng ở cả trung tâm và các điểm trường với khuôn viên xanh sạch đẹp, hệ thống cây xanh tạo bóng mát thường xuyên được cắt tỉa đẹp. Có cổng trường, biển tên trường, tường xây bao quanh ngăn cách với bên ngoài. Có nguồn nước sạch đảm bảo cho các hoạt động CSGD trẻ của nhà trường, hệ thống cống rãnh hợp vệ sinh. Có vườn cây cho trẻ chăm sóc, có sân chơi với các đồ chơi ngoài trời đảm bảo về số lượng, an toàn theo quy định. Có đủ các phòng sinh hoạt chung, phòng nghệ thuật, phòng giáo dục thể chất, phòng họp của giáo viên, các khối phòng nuôi dưỡng, CSGD trẻ đảm bảo về diện tích và các thiết bị phục vụ cho công tác CSGD trẻ. Nhà bếp, nhà kho xây dựng bán kiên cố và được vận hành đúng theo quy trình bếp một chiều. Nhà vệ sinh không ô nhiễm, đảm bảo diện tích và có các thiết bị vệ sinh theo quy định. Có đủ các loại phòng hành chính - quản trị với các thiết bị tối thiểu tại các phòng đảm bảo theo quy định.

Tiêu chí 3.1: Diện tích, khuôn viên và sân vườn

Mức 1:

a) Diện tích khu đất xây dựng hoặc diện tích sàn xây dựng bình quân tối thiểu cho một trẻ đảm bảo theo quy định;

b) Có cổng, biển tên trường, tường hoặc hàng rào bao quanh; khuôn viên đảm bảo vệ sinh, phù hợp cảnh quan, môi trường thân thiện và an toàn cho trẻ;

c) Có sân chơi, hiên chơi, hành lang của nhóm, lớp; sân chơi chung; sân chơi - cây xanh bố trí phù hợp với điều kiện của nhà trường, an toàn, đảm bảo cho tất cả trẻ được sử dụng.

Mức 2:

a) Diện tích xây dựng công trình và diện tích sân vườn đảm bảo theo quy định;

b) Khuôn viên có tường bao ngăn cách với bên ngoài, có sân chơi, nhóm, lớp: có nhiều cây xanh tạo bóng mát sân trường, thường xuyên được chăm sóc cắt tỉa đẹp; Có vườn cây giành riêng cho trẻ chăm sóc, bảo vệ và tạo cơ hội cho trẻ khám phá, học tập;

c) Khu vực trẻ chơi có đủ thiết bị và đồ chơi ngoài trời theo quy định; có rào chắn an toàn ngăn cách với ao hồ (nếu có).

Mức 3:

Sân vườn có khu vực riêng để thực hiện các hoạt động giáo dục phát triển vận động, có đủ các loại thiết bị và đồ chơi ngoài trời theo Danh mục thiết bị và đồ chơi ngoài trời cho giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và có bổ sung thiết bị đồ chơi ngoài Danh mục phù hợp với thực tế, đảm bảo an toàn cho trẻ.

Mô tả hiện trạng**Mức 1**

Nhà trường có tổng diện tích đất sử dụng là 3.696m². Trong đó, điểm trường Trung tâm 2.410m², điểm trường Thanh Xuân 313m², điểm trường Na Hai 629m², điểm trường Pá Nặm 344m². Tổng số trẻ toàn trường là 387 trẻ, bình quân tối thiểu cho một trẻ đảm bảo theo quy định (10,4m²/trẻ) [H3-3.1-01].

Có cổng trường, biển tên trường theo quy định tại điều 7 Điều lệ trường mầm non. Trung tâm và các điểm trường đều có tường xây bao quanh được dọn dẹp vệ sinh sạch sẽ, phù hợp cảnh quan môi trường thân thiện, an toàn cho trẻ vui chơi và học tập [3.1-02].

Trường có đủ sân chơi, hiên chơi đón trẻ, hành lang cho các nhóm, lớp đảm bảo theo quy định, thuận tiện cho việc đưa, đón sinh hoạt của trẻ em khi trời mưa, nắng, xung quanh hiên chơi có lan can với chiều cao 1,1m. Sân chơi chung được lắp đặt các thiết bị và đồ chơi ngoài trời theo quy định, đảm bảo an toàn cho trẻ tất cả trẻ được sử dụng. Có trồng cây xanh để tạo bóng mát cho trẻ hoạt động vui chơi khi đến trường [3.1-03].

Mức 2

Nhà trường có diện tích xây dựng công trình và diện tích sân vườn đảm bảo theo Tiêu chuẩn quốc gia về yêu cầu thiết kế trường mầm non. Trong đó diện tích xây dựng công trình là 1.630m²/41 phòng, tỷ lệ 39,7%; diện tích sân vườn cho trẻ hoạt động trải nghiệm và tổ chức các hoạt động giáo dục là 2.353m² đảm bảo theo quy định [3.1-04].

Khuôn viên trường đều có tường bao quanh ngăn cách với bên ngoài đảm bảo an toàn cho trẻ. Trung tâm và các điểm trường có sân chơi, bồn hoa, cây cảnh, cây xanh tạo bóng mát thường xuyên được chăm sóc cắt tỉa đẹp, có vườn rau, vườn cây dành riêng cho trẻ chăm sóc và tạo cơ hội cho trẻ trải nghiệm, học tập: Khu trải nghiệm của bé, bé chơi với cát và nước, góc địa phương... [3.1-05].

Tất cả khu vực trẻ chơi có đủ thiết bị và đồ chơi ngoài trời theo quy định tại Thông tư 32/2012/TT- BGDĐT ngày 14/9/2012 của Bộ GD&ĐT về việc ban hành danh mục thiết bị và đồ chơi ngoài trời cho GDMN, có hàng rào chắn an toàn cho trẻ [1.6-03]; [3.1-05].

Mức 3

Trung tâm và các điểm trường có sân vườn, có khu vực riêng để thực hiện các hoạt động giáo dục phát triển vận động, có đủ các loại thiết bị và đồ chơi ngoài trời theo Danh mục thiết bị và đồ chơi ngoài trời cho GDMN do Bộ GD&ĐT ban hành và hằng năm có bổ sung các thiết bị đồ chơi ngoài Danh mục phù hợp với thực tế của nhà trường, đảm bảo an toàn cho trẻ [1.6-03];[3.1-05].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đủ diện tích đất sử dụng và diện tích sàn xây dựng bình

quân tối thiểu cho trẻ đảm bảo theo quy định. Có đầy đủ cổng, biển tên trường, khuôn viên có tường xây bao quanh đảm bảo an toàn cho trẻ. Trung tâm và các điểm trường có bồn hoa, cây cảnh, cây xanh tạo bóng mát, có vườn cây dành riêng cho trẻ chăm sóc, khám phá, học tập, có khu vui chơi với các thiết bị và đồ chơi ngoài trời đảm bảo theo quy định. Có khu vực riêng để thực hiện các hoạt động giáo dục phát triển vận động, có đủ các loại thiết bị và đồ chơi ngoài trời theo Danh mục thiết bị và đồ chơi ngoài trời ngoài danh mục đảm bảo phù hợp với thực tế của nhà trường, đảm bảo an toàn cho trẻ.

3. Điểm yếu: Không

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Nhà trường phát huy những điểm mạnh và tham mưu với lãnh đạo Phòng GD&ĐT huyện Điện Biên, UBND xã Pom Lót tiếp tục đầu tư, nâng cấp CSVC, cảnh quan nhà trường tại khu trung tâm.	CBQL, GV, kế toán	Kinh phí, KH xây dựng và tu sửa CSVC.	Năm học 2023-2024 tu sửa tường bao khu trung tâm.	90.000.000đ
Thường xuyên bổ sung và chăm sóc cắt tỉa bồn hoa, cây cảnh tạo cảnh quan môi trường xanh sạch đẹp.	CBQL, GV, NV	Kinh phí	Năm học 2023-2024	Tự túc
Tham mưu với phòng GD&ĐT cấp bổ sung đồ dùng đồ chơi ngoài trời	CBQL	Kinh phí	01/8/2023	300.000.000đ

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 3.2: Khối phòng nhóm trẻ, lớp mẫu giáo và khối phòng phục vụ học tập

Mức 1:

a) Số phòng của các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo tương ứng với số nhóm, lớp theo độ tuổi;

b) Có phòng sinh hoạt chung, phòng ngủ (có thể dùng phòng sinh hoạt chung làm phòng ngủ đối với lớp mẫu giáo); có phòng để tổ chức hoạt động giáo dục thể chất, giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng, đảm bảo đáp ứng được nhu cầu tối thiểu hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ;

c) Có hệ thống đèn, hệ thống quạt (ở nơi có điện); có tủ đựng hồ sơ, thiết bị dạy học.

Mức 2:

a) Phòng sinh hoạt chung, phòng ngủ, phòng giáo dục thể chất, phòng giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng đảm bảo đạt chuẩn theo quy định;

b) Hệ thống tủ, kệ, giá đựng đồ chơi, đồ dùng, tài liệu đảm bảo đủ theo quy định, được sắp xếp hợp lý, an toàn, thuận tiện khi sử dụng.

Mức 3:

Có phòng riêng để tổ chức cho trẻ làm quen với ngoại ngữ, tin học và âm nhạc.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

Nhà trường có 12 phòng học/12 nhóm, lớp. Trong đó nhóm trẻ 25-36 tháng: 3 nhóm; lớp mẫu giáo 3 tuổi: 3 lớp; lớp mẫu giáo 4 tuổi là: 3 lớp; lớp mẫu giáo 5 tuổi: 2 lớp; lớp mẫu giáo ghép 3 độ tuổi: 1 lớp [3.2-01].

Nhà trường có 12 phòng sinh hoạt chung, điểm trường Na Hai, điểm trường Pá Nậm có phòng ngủ riêng cho trẻ. Các phòng học được lát gạch men chống trơn, có thảm xốp ấm áp về mùa đông, có đủ bàn ghế cho cô và trẻ, có tranh ảnh được trang trí đẹp, phù hợp chủ đề giáo dục; trường có phòng giáo dục thể chất 60m² với đầy đủ đồ dùng đảm bảo đáp ứng được các hoạt động phát triển giáo dục thể chất cho trẻ; có 01 phòng giáo dục nghệ thuật 50m² trang bị đầy đủ đồ dùng (Gương, gióng múa, đàn...) phục vụ cho việc giáo dục nghệ thuật thẩm mỹ cho trẻ [1.6-03]; [3.2-01].

Các nhóm, lớp có hệ thống bóng điện đủ ánh sáng, có quạt điện đảm bảo cho hoạt động CSGD [3.2-01]; [3.2-02], có tủ đựng hồ sơ, thiết bị dạy học đầy đủ cho các nhóm, lớp, đảm bảo đủ công suất và an toàn phục vụ hoạt động của trường [H3-3.2-03].

Mức 2

Phòng sinh hoạt chung, phòng ngủ đảm bảo theo quy định. Thoáng mát về mùa hè, ấm áp về mùa đông, phòng ngủ có đủ phản, chiếu, chăn, gối, quạt, hệ thống tủ đựng các đồ dùng phục vụ cho trẻ ngủ, thuận tiện khi sử dụng, các nhóm, lớp đều có phòng kho để chứa đồ dùng, đồ chơi phục vụ sinh hoạt và học tập. Nhà trường có 01 phòng giáo dục thể chất, 01 phòng giáo dục nghệ thuật, đảm bảo theo quy định để tổ chức các hoạt động thể chất và nghệ thuật với nhiều các thiết bị như đàn, gương, gióng múa, trang phục, dụng cụ âm nhạc, đầy đủ đồ dùng phát triển vận động đảm bảo theo quy định tại Điều lệ trường mầm non [1.6-03]; [3.2-01].

Nhà trường có 12/12 nhóm, lớp có đầy đủ hệ thống tủ, kệ, giá đựng đồ chơi, tủ đồ dùng cá nhân, tài liệu đảm bảo đủ theo quy định tại Điều lệ trường mầm non, được sắp xếp hợp lý, an toàn thuận tiện khi sử dụng [1.6-03];[3.2-01]; [H3-3.2-03].

Mức 3:

Nhà trường có 01 phòng giáo dục nghệ thuật riêng để tổ chức cho trẻ làm quen với âm nhạc, tuy nhiên nhà trường không có phòng riêng để tổ chức cho trẻ làm quen với ngoại ngữ, tin học [3.2-01].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đủ phòng sinh hoạt chung đảm bảo diện tích bình quân/trẻ, điểm trường Na Hai, điểm trường Pá Nậm có phòng ngủ riêng, có đủ phản, chiếu, chăn, gối, thoáng mát về mùa hè, ấm áp về mùa đông. Các nhóm, lớp có hệ thống bóng điện, quạt điện đảm bảo cho hoạt động CSGD, có phòng

kho để chứa đồ dùng, đồ chơi phục vụ sinh hoạt và học tập. Các phòng học đều có hệ thống tủ, kệ, giá để đồ dùng đồ chơi đảm bảo và được sắp xếp hợp lý, thuận tiện, an toàn khi sử dụng. Nhà trường có 01 phòng giáo dục thể chất, 01 phòng giáo dục nghệ thuật để tổ chức cho trẻ hoạt động thể chất, nghệ thuật đáp ứng được nhu cầu tối thiểu hoạt động giáo dục.

3. Điểm yếu: Nhà trường không có phòng riêng để tổ chức cho trẻ làm quen với ngoại ngữ, tin học.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Tiếp tục phát huy những điểm mạnh của nhà trường và khắc phục những điểm yếu. Thường xuyên kiểm tra việc sử dụng, bảo quản các trang thiết bị, đồ dùng, tại các khối phòng học, làm tốt công tác tham mưu với cấp trên bổ sung trang thiết bị cần thiết cho các khối phòng phục vụ học tập của nhà trường.	CBQL, kế toán	KH phát triển nhà trường, KH XHHGD; Tờ trình	01/8/2023	300.000.000 đồng
- Xây dựng KH lộ trình làm tốt công tác XHHGD mở rộng diện tích đất, tích cực tranh thủ các nguồn tài trợ để xây dựng thêm phòng cho trẻ làm quen với ngoại ngữ, tin học khu trung tâm.	CBQL	Kế hoạch XHHGD; Tờ trình	Năm học 2023-2024 và các năm tiếp theo	500.000.000 đồng

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Tiêu chí 3.3: Khối phòng hành chính - quản trị

Mức 1

- a) Có các loại phòng theo quy định;
- b) Có trang thiết bị tối thiểu tại các phòng;
- c) Khu để xe cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được bố trí hợp lý đảm bảo an toàn, trật tự.

Mức 2

- a) Đảm bảo diện tích theo quy định;
- b) Khu để xe cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên có mái che đảm bảo an toàn, tiện lợi.

Mức 3

Có đủ các phòng, đảm bảo theo Tiêu chuẩn quốc gia về yêu cầu thiết kế trường mầm non.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có các khối phòng hành chính-quản trị: Văn phòng trường, phòng hiệu trưởng, phòng phó hiệu trưởng, phòng hành chính quản trị, phòng y tế, phòng bảo vệ, phòng dành cho nhân viên, phòng họp, nhà kho, phòng bảo vệ, khu vệ sinh cho cán bộ giáo viên, nhân viên, khu để xe cho cán bộ giáo viên nhân viên hợp lý đảm bảo an toàn [3.3-01].

Văn phòng trường có đầy đủ bàn ghế họp, các bảng biểu, trang thiết bị cho CB,GV,NV họp và tổ chức các hoạt động khác; 01 phòng Hiệu trưởng, 01 phòng phó hiệu trưởng có tủ, bàn làm việc, máy tính, bàn ghế tiếp khách và các phương tiện làm việc; phòng y tế có giường bệnh, tủ thuốc, có các trang thiết bị y tế và đồ dùng theo dõi sức khỏe cho trẻ, có biểu bảng thông báo các biện pháp tích cực can thiệp chữa bệnh và chăm sóc trẻ suy dinh dưỡng (SDD), trẻ béo phì, có bảng KH theo dõi tiêm phòng và khám sức khỏe định kỳ cho trẻ, có tranh ảnh tuyên truyền chăm sóc sức khỏe, phòng bệnh cho trẻ; phòng hành chính quản trị; phòng bảo vệ; phòng dành cho nhân viên có đồ dùng, thiết bị đảm bảo yêu cầu; phòng họp sử dụng làm nơi sinh hoạt chung và sinh hoạt chuyên môn của giáo viên ngoài giờ lên lớp, trang bị đầy đủ các thiết bị theo quy định hiện hành [1.6-03]; [3.3-01].

Trung tâm trường và các điểm trường có khu để xe dành cho CBQL, giáo viên, nhân viên được bố trí, sắp xếp hợp lý đảm bảo an toàn, khoa học [3.3-01].

Mức 2:

Văn phòng trường diện tích 60m², Phòng Hiệu trưởng diện tích 20m², phòng phó Hiệu trưởng diện tích 20m², phòng hành chính quản trị diện tích 20 m²; 01 phòng họp diện tích 36m²; phòng y tế diện tích 16 m², phòng bảo vệ diện tích 9m², phòng dành cho nhân viên diện tích 15m², 01 nhà kho diện tích 30m², các phòng có đủ máy móc, thiết bị văn phòng, bàn ghế làm việc, tủ để đồ dùng [1.6-03]; [3.3-01].

Khu để xe dành cho CBQL, giáo viên, nhân viên đều có mái che đảm bảo an toàn tiện lợi, khu để xe trung tâm có diện tích 60m², các điểm trường khu để xe đều có mái che đảm bảo an toàn tiện lợi có diện tích 20m² bố trí hợp lý đảm bảo đủ diện tích để xe cho giáo viên [3.3-01].

Mức 3:

Số lượng, diện tích các phòng hành chính - quản trị của nhà trường đảm bảo Tiêu chuẩn quốc gia về yêu cầu thiết kế trường Mầm non: Phòng Hiệu trưởng, phòng phó hiệu trưởng, phòng họp được đặt ở vị trí thuận tiện cho công tác quản lý và được bố trí độc lập; phòng bảo vệ có vị trí quan sát thuận lợi; phòng y tế có vị trí thuận tiện cho công tác sơ cứu, có tủ thuốc với các loại thuốc thiết yếu, dụng cụ sơ cứu, giường bệnh; phòng hành chính - quản trị; phòng dành cho nhân viên; nhà kho có diện tích đảm bảo, khu vệ sinh dành cho CB,GV,NV được bố trí thuận tiện, có đầy đủ trang thiết bị phục vụ cho công tác CSGD trẻ trong nhà trường [3.3-01].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đủ các khối phòng hành chính - quản trị theo quy định: Văn phòng trường; phòng hiệu trưởng; phòng phó hiệu trưởng; phòng hành chính - quản trị; phòng họp; phòng y tế; phòng bảo vệ; phòng dành cho nhân viên; nhà kho; khu để xe cho cán bộ, giáo viên nhân viên đảm bảo diện tích theo quy định. Các phòng có đủ đồ dùng, trang thiết bị tối thiểu và được thiết kế phù

hợp, thuận tiện cho các hoạt động của nhà trường.

3. Điểm yếu: Không

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Trong năm học 2023- 2024 và các năm học tiếp theo nhà trường tiếp tục phát huy những điểm mạnh và xây dựng KH, đề ra những giải pháp cụ thể để nâng cấp tu sửa các hạng mục công trình, trang thiết bị của các khối phòng nhằm nâng cao chất lượng giáo dục phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường.	CBQL, GV,NV	Kế hoạch tu sửa CSVC hàng năm.	Năm học 2023-2024 và các năm tiếp theo	30.000.000 đồng

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 3.4: Khối phòng tổ chức ăn

Mức 1:

- a, Bếp ăn được xây dựng kiên cố hoặc bán kiên cố;
- b) Kho thực phẩm được phân chia thành khu vực để các loại thực phẩm riêng biệt, đảm bảo các quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm;
- c) Có tủ lạnh lưu mẫu thức ăn.

Mức 2:

Bếp ăn đảm bảo theo quy định tại Điều lệ trường Mầm non.

Mức 3:

Bếp ăn đảm bảo theo Tiêu chuẩn quốc gia về yêu cầu thiết kế trường Mầm non.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

Nhà trường có 01 bếp ăn được xây dựng kiên cố: Gồm có khu sơ chế, khu chế biến, khu nấu ăn, khu chia thức ăn; được thiết kế và tổ chức theo dây chuyền hoạt động một chiều [3.4-01].

Kho lương thực được phân chia riêng biệt, có lối nhập, xuất hàng thuận tiện, độc lập và phân chia khu vực cho từng loại thực phẩm, đảm bảo các quy định về VSATTP [3.4-01].

Có tủ lạnh để lưu mẫu thức ăn, thực hiện lưu mẫu đúng quy định được bảo quản sau 24 giờ, tủ lạnh được kiểm tra và vệ sinh sạch sẽ thường xuyên [3.4-01]; [3.4-02].

Mức 2

Nhà trường có bếp ăn đảm bảo quy định tại Điều 29 Điều lệ trường mầm non tại VBHN số: 04/VBHN-BGD&ĐT, ngày 24/12/2015 với tổng diện tích 137m², bình quân trên trẻ là 0,36m²/trẻ. Có khu sơ chế, khu chế biến, khu nấu ăn, khu chia thức ăn, nhà ăn được thiết kế và tổ chức theo quy trình hoạt động bếp một chiều [3.4-01]. Có đủ đồ dùng phục vụ trẻ ăn bán trú tại trường như: Bếp ga,

tủ nấu cơm điện, nồi cơm điện, bát, thìa inox, đĩa, chạn đựng đồ dùng, dụng cụ chế biến thực phẩm đảm bảo các quy định về VSATTP. Có tủ lạnh để lưu mẫu thức ăn hàng ngày, có nguồn nước sạch đảm bảo cho sinh hoạt hàng ngày, chất lượng nước được cơ quan y tế kiểm định. Nhà bếp có đủ thiết bị phòng cháy chữa cháy, rác thải được phân loại và xử lý thu gom đến nơi tập trung theo quy định và đảm bảo hợp vệ sinh [1.6-03].

Mức 3

Bếp ăn được xây dựng kiên cố, thông thoáng, đủ ánh sáng, tường, trần nhà, sàn nhà nhẵn, bằng phẳng, có đủ các phương tiện phục vụ cho việc làm vệ sinh và khử trùng [3.4-01]. Dụng cụ chứa thức ăn và sử dụng để ăn, uống được làm bằng nhôm, inox dễ làm vệ sinh, không ô nhiễm, không có yếu tố độc hại, có phương tiện bảo quản thực phẩm, có hệ thống cung cấp nước sạch và chỗ rửa tay với xà phòng; có phương tiện phân loại, thu gom, vận chuyển rác, thực phẩm, thức ăn thừa; thùng đựng rác có nắp đậy đảm bảo theo tiêu chuẩn quốc gia về yêu cầu thiết kế trường Mầm non Tiêu chuẩn Quốc gia TCVN 3907:2011; cửa sổ của các bếp ăn có thiết kế lắp đặt đảm bảo để chống chuột, ruồi, nhặng, gián hoặc các côn trùng có hại khác [1.6-03].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có bếp ăn được xây dựng kiên cố độc lập với khối phòng nhóm trẻ, lớp mẫu giáo và sân chơi, thông thoáng, đủ ánh sáng, tường, trần nhà, sàn nhà nhẵn, bằng phẳng, có đủ các phương tiện phục vụ cho việc làm vệ sinh và khử trùng, đủ diện tích và hoạt động theo quy trình một chiều, có kho để dự trữ thực phẩm được phân chia theo từng khu vực để thực phẩm riêng biệt. Nhà bếp thông thoáng, đủ ánh sáng, có tủ lạnh để lưu mẫu thức ăn, đủ dụng cụ, đồ dùng phục vụ cho trẻ ăn bán trú tại trường thuận tiện cho việc vệ sinh đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm. Trung tâm và các điểm trường lẻ có đủ nước sạch phục vụ cho sinh hoạt hàng ngày. Hệ thống xử lý rác thải, nước thải hợp vệ sinh. Bếp ăn đảm bảo theo yêu cầu thiết kế trường Mầm non Tiêu chuẩn Quốc gia TCVN 3907:2011.

3. Điểm yếu: Không

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Tiếp tục phát huy những điểm mạnh, có KH bảo quản, sử dụng các đồ dùng, thiết bị nhà bếp một cách hiệu quả.	CBQL	KH phát triển nhà trường	Năm học 2023-2024.	Không
Hàng năm có KH tu sửa, thay thế và bổ sung thêm đồ dùng dụng cụ nhà bếp đảm bảo mục đích sử dụng trong công tác cho trẻ ăn bán trú tại trường đạt hiệu quả cao.	CBQL	KH phát triển nhà trường, tờ trình, vận động XHHGD	Năm học 2023-2024 và các năm tiếp theo	8.000.000 đồng

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 3.5: Thiết bị, đồ dùng, đồ chơi

Mức 1

a) Có các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi đáp ứng yêu cầu tối thiểu phục vụ nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục;

b) Các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tự làm hoặc ngoài danh mục quy định phải đảm bảo tính giáo dục, an toàn, phù hợp với trẻ;

c) Hằng năm các thiết bị được kiểm kê, sửa chữa.

Mức 2:

a) Hệ thống máy tính được kết nối Internet phục vụ công tác quản lý, hoạt động dạy học;

b) Có đủ thiết bị dạy học theo quy định;

c) Hằng năm, được bổ sung các thiết bị dạy học, thiết bị dạy học tự làm.

Mức 3:

Các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tự làm hoặc ngoài danh mục quy định được khai thác và sử dụng hiệu quả, đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung, phương pháp giáo dục, nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

Nhà trường có các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi đáp ứng yêu cầu tối thiểu phục vụ công tác nuôi dưỡng, CSGD trẻ em theo quy định tại VBHN số 01/VBHN-BGD&ĐT ngày 23/03/2015 về ban hành danh mục đồ dùng, đồ chơi, thiết bị dạy học tối thiểu dùng cho GDMN [1.6-03]; [H3-3.2-03].

Nhà trường chỉ đạo các nhóm, lớp tự làm bổ sung đồ dùng, đồ chơi để phục vụ học tập và vui chơi cho trẻ. Các đồ dùng, đồ chơi tự làm ngoài danh mục quy định phải bảo đảm tính giáo dục, bền đẹp, an toàn, kích thích phù hợp với trẻ [H3-3.2-03].

Trong năm các thiết bị của nhà trường được kiểm kê, định kỳ vào đầu năm và cuối năm học, nhà trường thường xuyên xây dựng KH kiểm tra các thiết bị đồ dùng để sửa chữa, bổ sung nâng cấp đáp ứng với nhu cầu tổ chức hoạt động CSGD trẻ có hiệu quả tại các điểm trường, nhóm, lớp [1.6-03]; [H3-3.2-03].

Mức 2:

100% máy tính trong nhà trường được kết nối Internet phục vụ công tác quản lý, hoạt động dạy học [H3-3.5-01].

Nhà trường có đủ các thiết bị dạy học theo quy định tại Điều lệ trường mầm non, 12/12 nhóm, lớp đủ đồ dùng, thiết bị dạy học [1.6-03];[H3-3.2-03].

Trong năm nhà trường được phòng GD&ĐT cấp bổ sung các thiết bị dạy học ngoài danh mục tại VBHN số 01/VBHN-BGD&ĐT ngày 23/03/2015 về ban hành danh mục đồ dùng, đồ chơi, thiết bị dạy học tối thiểu dùng cho GDMN. Giáo viên các nhóm lớp tích cực làm đồ dùng đồ chơi tự tạo, đảm bảo tính giáo dục, an toàn, bền đẹp phục vụ cho các hoạt động giáo dục [1.6-03]; [H3-3.2-03].

Mức 3

Các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tự làm tại các điểm trường, các nhóm, lớp

được giáo viên sử dụng và bảo quản tốt, thiết bị đồ dùng, đồ chơi tự làm ngoài danh mục, được khai thác và đưa vào sử dụng thường xuyên có hiệu quả trong các hoạt động giáo dục, đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung, phương pháp giáo dục, nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, CSGD trẻ [1.6-03]; H3-3.2-03].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đủ các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi cho các điểm trường, nhóm, lớp theo quy định. Trong năm nhà trường tổ chức làm bổ sung đồ dùng, đồ chơi để phục vụ học tập và vui chơi cho trẻ dưới nhiều hình thức: Chấm đồ dùng đồ chơi theo từng chủ đề, tổ chức Hội thi làm đồ dùng đồ chơi giữa giáo viên và phụ huynh học sinh. Các đồ dùng, đồ chơi tự làm ngoài danh mục quy định bảo đảm tính giáo dục, bền đẹp, an toàn, kích thước phù hợp với trẻ. 100% các máy tính được kết nối Internet phục vụ cho hoạt động quản lý và các hoạt động giáo dục. Hằng năm nhà trường có tiến hành kiểm kê và bàn giao tài sản, CSVC và có hồ sơ theo dõi thiết bị giáo dục, đồ dùng, thiết bị dạy học.

3. Điểm yếu: Không

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Tiếp tục phát huy những điểm mạnh của nhà trường và làm tốt công tác bàn giao, kiểm kê tài sản, ĐDDC, trang thiết bị hàng năm để có KH tu sửa, bổ sung và nâng cấp.	CBQL, giáo viên	Biên bản kiểm kê, bàn giao; Danh mục ĐDDC	8/2023 5/2024	Không
Làm tốt công tác tham mưu với các cấp và công tác XHHGD bổ sung thêm đồ dùng đồ chơi ngoài trời cho các khu.	CBQL, giáo viên	KH tham mưu; XHHGD	8/2023	10.000.000đ
Khuyến khích, động viên phụ huynh đóng góp nguyên vật liệu phế thải cùng chung tay với giáo viên làm nhiều đồ dùng đồ chơi sáng tạo đưa vào hoạt động phong phú.	Giáo viên, cha mẹ học sinh.	Cha mẹ học sinh ủng hộ kinh phí, hiện vật.	Năm 2023-2024 và trong các năm học tiếp theo	Không
Kiểm tra thường xuyên việc bảo quản thiết bị đồ chơi phục vụ cho việc giảng dạy của giáo viên.	CBQL, giáo viên.	KH kiểm tra nội bộ.	Năm 2023-2024 và trong các năm học tiếp theo	Không

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 3.6: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước

Mức 1:

- a) Phòng vệ sinh cho trẻ, khu vệ sinh cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên đảm bảo không ô nhiễm môi trường; phòng vệ sinh đảm bảo sử dụng thuận lợi cho trẻ khuyết tật;
- b) Có hệ thống thoát nước đảm bảo vệ sinh môi trường; hệ thống nước sạch đảm bảo nước uống và nước sinh hoạt cho giáo viên, nhân viên và trẻ;
- c) Thu gom rác và xử lý chất thải đảm bảo vệ sinh môi trường.

Mức 2:

- a) Phòng vệ sinh cho trẻ, khu vệ sinh cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên thuận tiện, được xây dựng phù hợp với cảnh quan và theo quy định;
- b) Hệ thống cung cấp nước sạch, hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý chất thải đáp ứng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Các phòng vệ sinh của trẻ, khu vệ sinh cho cán bộ giáo viên, nhân viên tại trung tâm và các điểm trường được xây dựng đảm bảo, phân thành khu vệ sinh nam, nữ riêng biệt, sử dụng thuận tiện, không ô nhiễm môi trường và thuận lợi cho trẻ khuyết tật sử dụng [3.6-01].

Nhà trường có hệ thống thoát nước được lắp đặt đảm bảo vệ sinh không ô nhiễm môi trường, có máy lọc nước, nguồn nước sạch đảm bảo đủ nước uống và nước sinh hoạt cho giáo viên, nhân viên và trẻ [H3-3.5-01]; [3.6-02].

Nhà trường có hệ thống thu gom rác và xử lý chất thải hàng ngày đảm bảo vệ sinh môi trường. Có đủ số lượng thùng đựng có nắp đậy để đựng rác và phân loại rác tạm thời, thuận tiện cho công tác làm vệ sinh và khử trùng. Rác thải được thu gom hàng ngày và xử lý bằng cách vận chuyển tới nơi xử lý tập trung, không để rác thải, nước thải tồn đọng, bố trí độc lập, cách xa các khối phòng chức năng, ở cuối hướng gió; có lối ra vào riêng, thuận lợi cho việc thu gom, vận chuyển rác; có hệ thống thoát nước riêng, không ảnh hưởng đến môi trường [3.6-02].

Mức 2:

Các phòng vệ sinh cho trẻ, phòng vệ sinh cho cán bộ, giáo viên nhân viên đủ diện tích, thiết kế xây dựng phù hợp đảm bảo theo quy định Điều lệ trường Mầm non. Tổng diện tích phòng vệ sinh cho trẻ là 191,5m², bình quân 0,5m²/trẻ, Phòng vệ sinh của trẻ được xây dựng khép kín với phòng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ, có phòng vệ sinh riêng cho trẻ trai, trẻ gái, có đủ các thiết bị phù hợp với từng độ tuổi (trẻ nhà trẻ: có vòi nước rửa tay, có nhà bô đủ ghế ngồi bô cho trẻ; trẻ mẫu giáo: Có vòi nước rửa tay đảm bảo 8 trẻ/ vòi, có tiểu nam, thùng chứa nước có nắp đậy an toàn) [3.6-01].

Nhà trường sử dụng nguồn nước sạch từ hệ thống nước sạch nông thôn mới, nước giếng khoan, hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý rác thải đảm bảo theo quy định khoản 3, Điều 5 Thông tư liên tịch số 13/2016/TTNT-BYT ngày 15/5/2016 của Bộ GD&ĐT và Bộ y tế như: Có hệ thống cống rãnh thoát nước mưa, nước thải sinh hoạt, không để nước ứ đọng xung quanh trường, lớp. Có hệ thống thoát nước riêng cho khu vực nhà bếp, khu vệ sinh, có thùng đựng và phân loại rác, tự thu gom rác thải vận chuyển đến nơi tập chung, các điểm trường xử lý rác thải đảm bảo vệ sinh

phòng bệnh [H3-3.5-01]; [3.6-02].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có các phòng vệ sinh của trẻ, phòng vệ sinh cho cán bộ giáo viên, nhân viên tại trung tâm và các điểm trường được xây dựng đảm bảo theo Điều lệ trường mầm non, phân thành phòng vệ sinh nam, nữ riêng biệt, sử dụng thuận tiện, không ô nhiễm môi trường và thuận lợi cho trẻ khuyết tật sử dụng. Có hệ thống thoát nước được lắp đặt đảm bảo vệ sinh không ô nhiễm môi trường, có nguồn nước sạch đảm bảo đủ nước uống và nước sinh hoạt cho giáo viên, nhân viên và trẻ. Có hệ thống thu gom rác và xử lý chất thải hàng ngày, không để rác thải, nước thải tồn đọng gây ô nhiễm môi trường, đảm bảo vệ sinh, đáp ứng quy định của Bộ GD&ĐT, Bộ Y tế.

3. Điểm yếu: Không

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Tiếp tục phát huy các điểm mạnh, xây dựng KH, lộ trình sửa chữa nhà vệ sinh tại các điểm trường. Tham mưu với Ủy ban nhân dân xã và cha mẹ học sinh để có thêm nguồn kinh phí.	CBQL.	Kinh phí	Trong năm học 2023-2024	3.000.000 đồng
Kiểm tra bảo dưỡng thường xuyên thiết bị nhà vệ sinh, hệ thống cấp nước.	CBQL, giáo viên	Kinh phí	Trong năm học 2023-2024	2.000.000 đồng
Nhà trường có KH thu gom xử lý rác thải đảm bảo vệ sinh môi trường. Sử dụng nguồn nước đảm bảo theo quy định, thường xuyên kiểm tra hệ thống thoát nước đảm bảo vệ sinh không gây ô nhiễm môi trường theo quy định chung.	CBQL, giáo viên	Kinh phí	Trong năm học 2023-2024	1.000.000 đồng

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Kết luận về tiêu chuẩn 3

Nhà trường được xây dựng kiên cố diện tích khuôn viên và các công trình đảm bảo theo quy định. Diện tích bình quân tối thiểu trên trẻ, diện tích sân vườn, diện tích sân chơi đảm bảo, được quy hoạch, thiết kế phù hợp giúp trẻ khám phá, học tập. Các nhóm lớp học và các khối phòng hành chính quản trị bảo đảm đủ diện tích và được bố trí sắp xếp phù hợp, có đầy đủ đồ dùng đồ chơi, thiết bị dạy học tối thiểu dùng cho từng khối lớp và thiết bị đồ dùng đồ chơi tự làm đảm bảo

bền đẹp. Bếp ăn được xây dựng theo quy trình một chiều với đầy đủ các đồ dùng nhà bếp, có kho lưu trữ thực phẩm, có tủ lạnh lưu mẫu thức ăn hàng ngày và đã được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm. Phòng vệ sinh cho giáo viên, trẻ được xây dựng khép kín đảm bảo diện tích, đủ các thiết bị, phương tiện vệ sinh, thuận tiện cho việc sử dụng. Có nguồn nước sạch đảm bảo vệ sinh, có hệ thống thu gom, xử lý rác thải đảm bảo vệ sinh môi trường, vệ sinh phòng bệnh. Hằng năm nhà trường có kiểm kê, bảo quản và sử dụng có hiệu quả các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi hiện có. Có KH tu sửa và bổ xung các trang thiết bị, đồ dùng, đồ chơi kịp thời đảm bảo hoạt động CSGD trẻ của nhà trường.

- *Tổng số tiêu chí của tiêu chuẩn 3: 6 tiêu chí*

+ *Số tiêu chí đạt yêu cầu: 6*

+ *Số tiêu chí không đạt yêu cầu: 0*

Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội

Mở đầu:

Thực hiện chủ trương “Sự nghiệp giáo dục là trách nhiệm của toàn xã hội”, nhà trường đã xây dựng được mối quan hệ chặt chẽ giữa Nhà trường - gia đình - Xã hội, từng bước tranh thủ được sự quan tâm chăm lo cho sự nghiệp giáo dục của cộng đồng và toàn xã hội.

Nhà trường có BĐDCMHS của trường, các lớp có BĐDCMHS của lớp được hoạt động theo đúng quy định tại Điều lệ BĐDCMHS. Nhà trường có nhiều biện pháp và hình thức phong phú để tuyên truyền, hướng dẫn cha mẹ trẻ CSGD trẻ khi ở nhà; chỉ đạo giáo viên thường xuyên trao đổi với phụ huynh học sinh về tình hình ăn, ngủ, chơi, học cũng như các hoạt động khác của trẻ ở lớp.

Nhà trường chủ động trong công tác tham mưu với cấp ủy đảng, chính quyền địa phương và phối hợp với các tổ chức đoàn thể, cá nhân ở địa phương nhằm huy động các nguồn lực về tinh thần, vật chất để xây dựng CSVN, cảnh quan trường lớp xanh - sạch - đẹp và xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh, an toàn tuyệt đối cho trẻ.

Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ trẻ

Mức 1:

a) *Được thành lập và hoạt động theo quy định tại Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh;*

b) *Có kế hoạch hoạt động theo năm học;*

c) *Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động đúng tiến độ.*

Mức 2:

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục; hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ trẻ.

Mức 3:

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường, xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Trong năm nhà trường có BĐDCMHS được thành lập và hoạt động theo quy định tại Thông tư số 52/2020/TT-BG&ĐT ngày 31/12/2020 ban hành Điều lệ

BĐDCMHS. BĐDCMHS nhà trường gồm: 01 Trưởng ban, 02 Phó ban, 12 ủy viên thường trực [H4-4.1-01].

BĐDCMHS của trường có KH hoạt động cụ thể theo năm học [H4-4.1-02].

Hàng năm BĐDCMHS triển khai, tổ chức thực hiện các nội dung hoạt động đảm bảo đúng tiến độ KH. Các nội dung đã được thảo luận, thống nhất trong các cuộc họp của BĐDCMHS của trường, lớp có hiệu quả cao [H1-1.2-04]; [H4-4.1-02].

Mức 2:

BĐDCMHS phối hợp với nhà trường tổ chức thực hiện tốt nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục như: Huy động trẻ ra lớp đảm bảo chỉ tiêu, tham gia hỗ trợ tổ chức các hoạt động CSGD trẻ, hoạt động tham quan, trải nghiệm, lao động. Hướng dẫn tuyên truyền phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với các bậc phụ huynh như: Phòng chống bạo lực học đường, Luật trẻ em, chế độ hỗ trợ ăn trưa, hỗ trợ chi phí học tập, cấp bù miễn giảm học phí, trẻ hộ nghèo...[H1-1.2-04]; [H4-4.1-02]; [H4-4.1-03]; [H4-4.1-04].

Mức 3:

Trong năm học qua Ban đại diện cha mẹ trẻ em đã phối hợp có hiệu quả với nhà trường, xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ BĐDCMHS, huy động các nguồn lực hỗ trợ nhà trường về tài chính, ngày công lao động, nguyên vật liệu để tu sửa CSVC, tôn tạo cảnh quan môi trường, phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tuyên truyền, chăm sóc, giáo dục trẻ góp phần nâng cao chất lượng CSGD trẻ của nhà trường [H1-1.2-04]; [H4-4.1-02]; [H4-4.1-03]; [H4-4.1-04].

2. Điểm mạnh:

Nhà trường có Ban đại diện cha mẹ trẻ em của các nhóm/lớp, của trường. Ban đại diện cha mẹ trẻ em được thành lập và hoạt động theo đúng chức năng nhiệm vụ, quyền hạn quy định. Ban đại diện cha mẹ trẻ của lớp, của trường được thành lập dưới sự đồng thuận, nhất trí của 100% cha mẹ trẻ; hỗ trợ tích cực cho lớp, trường trong việc giáo dục học sinh, thực hiện đúng nhiệm vụ theo Điều lệ BĐDCMHS.

Ban đại diện cha mẹ trẻ em có KH hoạt động cụ thể theo năm học và tổ chức thực hiện theo đúng tiến độ KH đề ra.

Phối kết hợp chặt chẽ, có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ và hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ; tuyên truyền, hướng dẫn, chủ trương chính sách về giáo dục tới các bậc phụ huynh. Phối hợp hiệu quả với nhà trường trong việc CSGD trẻ, tôn tạo, tu sửa cảnh quan môi trường, trong công tác XHHGD góp phần nâng cao chất lượng CSGD trẻ. Tổng kinh phí BĐDCMHS huy động được trong năm (Quy ra tiền): 8.680.000 đ.

3. Điểm yếu: Không

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp công việc cần thực hiện	Người thực hiện	Điều kiện thực hiện	Thời hạn thực hiện	Dự kiến kinh phí
Họp toàn thể cha mẹ trẻ	CBQL, giáo	Quyết định thành	30/9	Không

của lớp, của trường để kiện toàn Ban đại diện cha mẹ trẻ.	viên, Cha mẹ trẻ các lớp	lập BĐDCMHS		
Thảo luận và xây dựng quy chế, KH hoạt động của BĐDCMHS	BĐDCMHS	KH hoạt động của BĐDCMHS	30/9	Không
Tiếp tục duy trì các hoạt động theo kế hoạch.	BĐDCMHS	KH hoạt động của BĐDCMHS	Trong năm học 2023-2024	Không

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3

Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường

Mức 1:

a) Tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền địa phương để thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường;

b) Tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành giáo dục, về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường;

c) Huy động và sử dụng các nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân đúng quy định.

Mức 2:

a) Tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền để tạo điều kiện cho nhà trường thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển;

b) Phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để tổ chức các hoạt động lễ hội, sự kiện theo kế hoạch, phù hợp với truyền thống của địa phương.

Mức 3:

Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường đã chủ động và làm tốt công tác tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương xây dựng KH giáo dục, giải pháp cụ thể trong KH thực hiện nhiệm vụ năm học để phát triển nhà trường như xây dựng mạng lưới quy mô trường, lớp, CSVC, huy động trẻ trong độ tuổi đến trường, công tác phổ cập GDMN cho trẻ em 5 tuổi [H4-4.2-01].

Nhà trường tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, ngành giáo dục về mục tiêu, nội dung, KH giáo dục của nhà trường trong năm học dưới nhiều hình thức như: qua các buổi họp giữa nhà trường với cha mẹ trẻ, trao đổi với cha mẹ trẻ thông qua giờ đón trả trẻ hàng ngày [H1-1.2-04].

Nhà trường huy động và sử dụng nguồn nhân lực từ phụ huynh trong việc cải tạo cảnh quan môi trường giáo dục trong và ngoài lớp học [H1-1.2-04]. Tích

cực tham mưu tới các cấp ủy đảng chính quyền địa phương huy động các nguồn lực tài chính tu sửa CSVC, xây dựng cảnh quan môi trường nhằm đảm bảo các tiêu chí trường Mầm non đạt chuẩn giáo dục, đạt chuẩn quốc gia theo thông tư 19/2018/TT- BGD&ĐT ngày 22/8/2018 [H4-4.2-01].

Mức 2:

Nhà trường đã tích cực tham mưu với cấp uỷ Đảng, chính quyền địa phương tạo điều kiện từng bước thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển của nhà trường theo từng năm học và theo giai đoạn: Xây dựng quy mô trường lớp, chất lượng CSGD trẻ, CSVC nhà trường [H1-1.1-01].

Nhà trường phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục để giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức lối sống, pháp luật, nghệ thuật, thể dục thể thao, hoạt động trải nghiệm cho trẻ và cha mẹ như: Hội thi bé khỏe bé ngoan, Tết trung thu [H1-1.2-04]; tổ chức cho cô và trẻ thăm quan các di tích lịch sử, các công trình văn hóa, thả hương viếng nghĩa trang công trường bản Na Thìn [H4-4.2-02].

Mức 3:

Ban đại diện cha mẹ trẻ em phối kết hợp với nhà trường tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương [H4-4.1-03]. Nhiều năm qua nhà trường đạt danh hiệu đơn vị văn hóa [H4-4.2-03].

2. Điểm mạnh

Xác định công tác giáo dục là của toàn Đảng, toàn dân, mọi tổ chức đoàn thể, vì vậy ngay từ đầu mỗi năm học nhà trường đã tích cực tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương trong việc xây dựng KH giáo dục thực hiện phương hướng, chiến lược phát triển theo năm học, giai đoạn nhằm nâng cao các điều kiện về CSVC trường lớp đáp ứng với yêu cầu chăm sóc, giáo dục trẻ.

Trong năm nhà trường đã tham mưu cho cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương xây dựng KH, phối hợp hiệu quả với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân tổ chức chương trình hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục để giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức lối sống, pháp luật, nghệ thuật, thể dục thể thao cho trẻ, cha mẹ trẻ, như: Hội thi bé thi bé khỏe bé ngoan, ngày tết trung thu; tổ chức cho cô và trẻ thăm quan các di tích lịch sử, các công trình văn hóa, thả hương viếng nghĩa trang công trường Bản Na Thìn...

Tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành giáo dục, huy động các nguồn lực để xây dựng cảnh quan trường lớp sạch đẹp, an toàn cho trẻ hoạt động. Phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để tổ chức các hoạt động lễ hội, sự kiện

theo KH, phù hợp với truyền thống của địa phương. Nhiều năm qua nhà trường đạt danh hiệu đơn vị văn hóa.

3. Điểm yếu: Không

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Nhà trường tiếp tục tham mưu với các cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương quan tâm, chăm lo đến GDMN, tuyên truyền, phối kết hợp với các lực lượng xã hội, huy động thêm nhiều nguồn lực đóng góp XHHGD xây dựng trường ngày một phát triển,	Hiệu trưởng, Giáo viên, Cha mẹ trẻ, UBND xã Pom Lót	Tham mưu với UBND xã Pom Lót Tuyên truyền, vận động, phối hợp với các tổ chức, cá nhân trên địa bàn	Năm học 2023-2024 và các năm tiếp theo	Không
Văn bản, thư kêu gọi cá nhân, tổ chức hảo tâm hỗ trợ kinh phí, vật chất cho trẻ	Hiệu trưởng	Thư kêu gọi, Tờ trình xin kinh phí hỗ trợ.	Đầu năm các năm học	Không
Xây dựng KH tuyên truyền chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành Giáo dục; về mục tiêu, nội dung và KH giáo dục của nhà trường;	GVCN	Kế hoạch tuyên truyền	Năm học 2023-2024 và các năm học tiếp theo	
Xây dựng KH cho trẻ thăm quan di tích lịch sử, công trình văn hóa trong, ngoài địa phương	CBQL, GV	KH thực hiện nhiệm vụ năm học	Năm học 2023-2024 và các năm học tiếp theo	
Tổ chức giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức lối sống, pháp luật, nghệ thuật, thể dục thể thao và các nội dung giáo dục khác cho trẻ	CBQL, GV	KH thực hiện nhiệm vụ năm học	Theo KH	
Tổ chức cho trẻ thăm	CBQL, GV	KH thực hiện	Theo KH	

quan di tích lịch sử, công trình văn hóa trong, ngoài địa phương		nhiệm vụ năm học		
--	--	------------------	--	--

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3

Kết luận về Tiêu chuẩn 4

Nhà trường thành lập Ban đại diện cha mẹ trẻ em theo đúng cơ cấu tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm và hoạt động tuân thủ theo quy định Điều lệ BDDCMHS.

Ban đại diện cha mẹ trẻ em thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn và có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ với nhà trường làm tốt công tác tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương để nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ. Phối kết hợp với nhà trường trong việc tuyên truyền phổ biến Pháp luật, chủ trương Chính sách về giáo dục với nhiều hình thức khác nhau để nâng cao chất lượng CSGD trẻ.

Nhà trường tham mưu phối kết hợp chặt chẽ tới các cấp ủy đảng chính quyền địa phương quan tâm, chăm lo đến sự nghiệp phát triển GDMN trên địa bàn phường. Thực hiện có hiệu quả công tác XHHGD, huy động được các cá nhân, tổ chức, đoàn thể trong và ngoài địa bàn tham gia đóng góp các nguồn lực để tu sửa CSVC, xây dựng cảnh quan môi trường xanh, sạch, đẹp, an toàn, lành mạnh nhằm đảm bảo các tiêu chí trường Mầm non đạt CQG. Đồng thời phối kết hợp trong việc tổ chức các hoạt động lễ hội, sự kiện theo KH, phù hợp với truyền thống của địa phương một cách hiệu quả.

- Tổng số tiêu chí của tiêu chuẩn 4: 2 tiêu chí

+ Số tiêu chí đạt yêu cầu: 2

+ Số tiêu chí không đạt yêu cầu: 0

Tiêu chuẩn 5: Hoạt động và kết quả nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ

Mở đầu:

Nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ vừa là mục tiêu, nhiệm vụ, vừa là giải pháp quan trọng trong suốt những năm học vừa qua. Để chất lượng giáo dục ngày một nâng cao, nhà trường luôn chỉ đạo giáo viên thực hiện nghiêm túc Chương trình GDMN theo quy định của Bộ GD&ĐT đồng thời thực hiện phát triển chương trình đảm bảo phù hợp với quy định chuyên môn và văn hóa địa phương. Định kỳ rà soát, đánh giá việc thực hiện Chương trình và có điều chỉnh kịp thời, phù hợp. Quan tâm xây dựng môi trường giáo dục lấy trẻ làm trung tâm, tạo cơ hội cho trẻ được học tập, vui chơi, trải nghiệm. Tổ chức các hoạt động giáo dục đa dạng về hình thức, linh hoạt về phương pháp dạy học, phù hợp với mục tiêu nội dung giáo dục với trẻ và điều kiện nhà trường, địa phương nhằm phát huy tính tích cực, chủ động sáng tạo giúp trẻ phát triển toàn diện về Đức - Trí - Thể - Mỹ. Chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ ngày một nâng cao, tỷ lệ trẻ SDD ngày một giảm. Tỷ lệ trẻ đi học chuyên cần của nhà trường đạt ở mức cao, đặc biệt là trẻ mẫu giáo 5 tuổi đạt trên 98%. Trong năm 100% số trẻ 5 tuổi được đánh giá là đạt các mục tiêu và hoàn thành chương trình GDMN.

Tiêu chí 5.1: Thực hiện Chương trình giáo dục mầm non

Mức 1:

a) Tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục mầm non theo kế hoạch;

b) Nhà trường phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành phù hợp quy định về chuyên môn của cơ quan quản lý giáo dục, với điều kiện nhà trường;

c) Định kỳ rà soát, đánh giá việc thực hiện Chương trình giáo dục mầm non và có điều chỉnh kịp thời, phù hợp.

Mức 2:

a) Tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục mầm non đảm bảo chất lượng;

b) Nhà trường phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, phù hợp với văn hóa địa phương, đáp ứng khả năng và nhu cầu của trẻ.

Mức 3:

a) Nhà trường phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành trên cơ sở tham khảo chương trình giáo dục của các nước trong khu vực và thế giới đúng quy định, hiệu quả, phù hợp với thực tiễn của trường, địa phương;

b) Hằng năm, tổng kết, đánh giá việc thực hiện chương trình giáo dục của nhà trường, từ đó điều chỉnh, cải tiến nội dung, phương pháp giáo dục để nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

Trên cơ sở Chương trình GDMN do Bộ GD&ĐT ban hành, gắn liền với thực tế địa phương, nhà trường xây dựng chương trình giáo dục nhà trường. Chương trình giáo dục nhà trường được bổ sung góp ý và công khai trên gmail của nhà trường và được ban hành tổ chức thực hiện theo quy định [H1-1.8-01].

Nhà trường thực hiện phát triển Chương trình GDMN do Bộ GD&ĐT ban hành phù hợp quy định về chuyên môn của cơ quan quản lý giáo dục, với điều kiện nhà trường, lựa chọn các nội dung bài hát, bài thơ, câu chuyện, các sự vật hiện tượng gần gũi xung quanh trẻ đưa vào xây dựng KH theo chủ đề phù hợp với văn hóa địa phương, đáp ứng khả năng và nhu cầu khám phá của trẻ [H1-1.8-01].

Nhà trường đã tổ chức kiểm tra định kỳ, đánh giá kết quả thực hiện chương trình để có KH điều chỉnh kịp thời [H1-1.8-01]; [H1-1.8-02]; [H5-5.1-01].

Mức 2

Căn cứ vào KH giáo dục nhà trường đã xây dựng và tổ chức thực hiện chương trình ở các độ tuổi theo các chủ đề, 100% các lớp thực hiện tốt nội dung chương trình đảm bảo chất lượng [H1-1.5-02]; [H1-1.8-01]. Trẻ có các kỹ năng thực hiện tốt, tích cực tham gia hoạt động khám phá, trải nghiệm sáng tạo [H5-5.1-01].

Nhà trường đã xây dựng và phát triển Chương trình GDMN do Bộ GD&ĐT ban hành. Kế hoạch giáo dục phù hợp với tình hình văn hóa địa phương và khả năng,

nhu cầu, nhận thức của trẻ, việc triển khai các KH giáo dục năm học, KH chủ đề, KH tuần, KH ngày được thực hiện một cách logic và hiệu quả [H1-1.8-01].

Mức 3

Nhà trường đã tổ chức thực hiện chương trình GDMN theo KH xây dựng dựa vào điều kiện thực tế của địa phương và đặc điểm của trẻ ở các độ tuổi phù hợp với văn hóa dân tộc. Tuy nhiên nhà trường chưa có điều kiện tham khảo chương trình giáo dục của các nước trong khu vực và thế giới [H1-1.5-02]; [H1-1.8-01]; [H5-5.1-01].

Cuối năm nhà trường tổ chức tổng kết, đánh giá lại việc thực hiện chương trình GDMN để từ đó có sự điều chỉnh, bổ sung cải tiến nội dung, phương pháp giáo dục nhằm nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, CSGD trẻ [H1-1.2-04].

2. Điểm mạnh

Nhà trường xây dựng và tổ chức thực hiện chương trình giáo dục nhà trường theo KH và đảm bảo chất lượng phù hợp với điều kiện thực tế văn hóa địa phương, phù hợp nhu cầu hứng thú của trẻ, phát triển chương trình GDMN do Bộ GD&ĐT ban hành. Định kỳ tổ chức rà soát, đánh giá việc thực hiện chương trình GDMN, có kế hoạch điều chỉnh phù hợp nhằm nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, CSGD trẻ.

3. Điểm yếu: Nhà trường chưa có điều kiện tham khảo chương trình giáo dục của các nước trong khu vực và thế giới.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Nâng cao chất lượng thực hiện chương trình GDMN thông qua việc rà soát và điều chỉnh KH thực hiện.	CBQL	KH kiểm tra nội bộ	Trong năm học 2023-2024 và các năm học tiếp theo	Không
Nhà trường tiếp tục rà soát, hoàn thiện Chương trình giáo dục nhà trường, giáo viên xây dựng thành kế hoạch của lớp hiệu quả, phát triển chương trình phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương và trẻ tại nhóm, lớp.	CBQL, GV	Xây dựng KH giáo dục nhà trường, KH giáo dục các lớp	Trong năm học 2023-2024 và các năm học tiếp theo	Không
Tham khảo chương trình giáo dục của các nước trong khu vực và thế giới đúng quy định, hiệu quả, phù hợp với thực tiễn của trường, địa phương.	CBQL, GV	Tham khảo trên internet	Trong năm học 2023-2024 và các năm học tiếp theo	Không

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Tiêu chí 5.2: Tổ chức hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ

Mức 1:

a) Thực hiện linh hoạt các phương pháp, đảm bảo phù hợp với mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp với trẻ mầm non và điều kiện nhà trường;

b) Tổ chức môi trường giáo dục theo hướng tạo điều kiện cho trẻ được vui chơi, trải nghiệm;

c) Tổ chức các hoạt động giáo dục bằng nhiều hình thức đa dạng phù hợp với độ tuổi của trẻ và điều kiện thực tế.

Mức 2:

Tổ chức các hoạt động thực hành, trải nghiệm, khám phá môi trường xung quanh phù hợp với nhu cầu, hứng thú của trẻ và điều kiện thực tế.

Mức 3:

Tổ chức môi trường giáo dục trong và ngoài lớp học phù hợp với nhu cầu, khả năng của trẻ, kích thích hứng thú, tạo cơ hội cho trẻ tham gia hoạt động vui chơi, trải nghiệm theo phương châm “chơi mà học, học bằng chơi”.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

Nhà trường chỉ đạo giáo viên thực hiện linh hoạt các phương pháp trong tổ chức các hoạt động giáo dục đảm bảo với mục tiêu, nội dung giáo dục phù hợp với độ tuổi, nhu cầu phát triển của trẻ mầm non và điều kiện thực tế của nhà trường không áp đặt dập khuôn máy móc [H1-1.5-02]; [H1-1.8-01].

Căn cứ vào mục tiêu, nội dung các độ tuổi nhà trường chỉ đạo giáo viên tổ chức môi trường giáo dục theo hướng mở, tạo điều kiện tốt nhất để trẻ được vui chơi, trải nghiệm [5.1- 02].

100% giáo viên các nhóm/lớp tổ chức linh hoạt các hoạt động giáo dục dưới nhiều hình thức đa dạng, phù hợp với đặc điểm của nhóm/lớp, của học sinh và điều kiện thực tế. Xây dựng KH và tổ chức các hoạt động lễ hội, văn nghệ, vui chơi như: Khai giảng, kỷ niệm ngày nhà giáo Việt Nam 20/11, Vui tết trung thu, Hội thi “Bé khỏe bé ngoan”, “ Bé tài năng”... Trẻ được hoạt động, khám phá, thực hành trải nghiệm góc chợ quê, khu vận động, góc thiên nhiên ... [H4-4.2-02]; [5.1- 02].

Mức 2

Nhà trường đã chỉ đạo các nhóm/lớp thường xuyên tổ chức các hoạt động thực hành, trải nghiệm, khám phá môi trường xung quanh phù hợp với nhu cầu hứng thú, khả năng của trẻ và điều kiện của nhà. Thông qua các ngày lễ, ngày hội trẻ được trải nghiệm với nhiều hoạt động khác nhau sau đó được thưởng thức sản phẩm của mình làm ra. Tại khu vực góc thiên nhiên trẻ được tập làm bác nông dân xới đất, gieo hạt, trải nghiệm với đất, nước...[5.1- 02].

Mức 3

Nhà trường tổ chức môi trường giáo dục trong và ngoài lớp học phù hợp với nhu cầu, khả năng của trẻ, kích thích hứng thú, tạo cơ hội cho trẻ tham gia hoạt động vui chơi, trải nghiệm theo phương châm “học mà chơi, chơi bằng học”[5.1- 02].

2. Điểm mạnh

Nhà trường thực hiện linh hoạt các hoạt động giáo dục đảm bảo phù hợp với mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp với trẻ em mầm non và điều kiện thực tế nhà trường. Tổ chức cho 100% số trẻ tham gia các hoạt động tập thể lành mạnh như: Hát dân ca, chơi trò chơi dân gian, đọc đồng dao ca dao, tham gia vào các buổi lễ hội, văn nghệ, vui chơi ở trường. Chú trọng xây dựng môi trường theo hướng mở tạo điều kiện cho trẻ được vui chơi học tập và khám phá thế giới xung quanh, phù hợp với nhu cầu, khả năng của trẻ, kích thích hứng thú tạo cơ hội cho trẻ tham gia hoạt động vui chơi, trải nghiệm theo phương châm “học bằng chơi, chơi bằng học”

3. Điểm yếu: Không

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Hướng dẫn giáo viên làm đồ dùng đồ chơi theo hướng mở bằng các nguyên liệu sẵn có tại địa phương vừa bền vừa an toàn với trẻ.	CBQL, TTCM.	Kinh phí nhà trường. Sưu tầm các vật liệu sẵn có	Trong các năm học	Không
Bồi dưỡng chuyên môn cho giáo viên, đặc biệt là về việc vận dụng các phương pháp, hình thức tổ chức hoạt động giáo dục trẻ theo hướng thực hành, trải nghiệm.	CBQL, TTCM.	KH bồi dưỡng chuyên môn.	Hàng tháng trong các năm học	Không
Chỉ đạo giáo viên linh hoạt, sáng tạo trong công tác xây dựng, tổ chức môi trường giáo dục trong và ngoài lớp học, thường xuyên tổ chức các hoạt động CSGD tạo điều kiện cho học sinh có cơ hội học tập, vui chơi và trải nghiệm.	CBQL, tổ trưởng, giáo viên cốt cán	Kế hoạch giáo dục nhà trường của các lớp. Điều kiện CSVC tại trường lớp.	Trong năm học 2023-2024 và các năm tiếp theo	35.000.000đ

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 5.3: Kết quả nuôi dưỡng và chăm sóc sức khỏe

Mức 1:

a) Nhà trường phối hợp với cơ sở y tế địa phương tổ chức các hoạt động chăm sóc sức khỏe cho trẻ;

b) 100% trẻ được kiểm tra sức khỏe, đo chiều cao, cân nặng, đánh giá tình trạng dinh dưỡng bằng biểu đồ tăng trưởng theo quy định;

c) Ít nhất 80% trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì được can thiệp bằng những biện pháp phù hợp, tình trạng dinh dưỡng của trẻ cải thiện so với đầu năm học.

Mức 2:

a) Nhà trường tổ chức tư vấn cho cha mẹ trẻ hoặc người giám hộ về các vấn đề liên quan đến sức khỏe, phát triển thể chất và tinh thần của trẻ;

b) Chế độ dinh dưỡng của trẻ tại trường được đảm bảo cân đối, đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng, đảm bảo theo quy định;

c) 100% trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì được can thiệp bằng những biện pháp phù hợp, tình trạng dinh dưỡng của trẻ cải thiện so với đầu năm học.

Mức 3:

Có ít nhất 95% trẻ khỏe mạnh, chiều cao, cân nặng phát triển bình thường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

Trong năm nhà trường phối hợp với trạm Y tế xã Pom Lót tổ chức kiểm tra khám sức khỏe định kỳ cho trẻ 2 lần/năm, tiêm phòng và uống vitamin A, tẩy giun, tuyên truyền phòng chống các dịch bệnh, phối hợp cân đo chiều cao, cân nặng cho trẻ [H5-5.3-01].

100% trẻ trong nhà trường được kiểm tra sức khỏe, đo chiều cao, cân nặng, đánh giá tình trạng dinh dưỡng bằng biểu đồ tăng trưởng theo quy định [H5-5.3-02]; [H5-5.3-03].

100% trẻ SDD, thừa cân béo phì được theo dõi, cân đo hàng tháng để điều chỉnh chế độ ăn cho phù hợp. Hàng năm tỷ lệ trẻ SDD giảm so với đầu năm học từ 2-3% [H5-5.3-04]; [H5-5.3-05].

Mức 2

Nhà trường tổ chức tư vấn cho phụ huynh thông qua các giờ đón, trả trẻ, họp thôn, bản... Tuyên truyền, hướng dẫn cho cha mẹ trẻ về chế độ dinh dưỡng, VSATTP. Tư vấn về vệ sinh phòng bệnh theo mùa, không đưa trẻ đến trường khi trẻ ốm và bị bệnh truyền nhiễm. Tuyên truyền về khẩu phần ăn và định lượng của trẻ theo quy định GDMN. Giáo viên các lớp phối hợp với cha mẹ trẻ em thực hiện đảm bảo an toàn về thể chất và tinh thần cho trẻ [H1-1.2-04]; [H5-5.3-05].

Thực hiện nghiêm túc công tác chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục trẻ theo chương trình GDMN. Tính khẩu phần ăn để cân đối lương thực thực phẩm hàng ngày cho trẻ đảm bảo tỷ lệ giữa các chất giúp trẻ SDD được phục hồi. Chế độ ăn của

trẻ hàng ngày ở trường được đảm bảo cân đối về thực phẩm, nước uống. Thực đơn được xây dựng hàng ngày theo tuần [H5-5.3-02]; [H5-5.3-04]; [H5-5.3-05].

100% trẻ SDD, thừa cân, béo phì được can thiệp bằng những biện pháp phù hợp như: Chế độ ăn hàng ngày của trẻ được đảm bảo cân đối theo 4 nhóm thực phẩm, đảm bảo tỷ lệ calo, giáo viên quan tâm chăm sóc trẻ, động viên trẻ ăn hết xuất, chú ý tới trẻ mới ốm dậy. Tình trạng dinh dưỡng của trẻ cải thiện so với đầu năm học [H5-5.3-02]; [H5-5.3-04].

Mức 3

100% trẻ trong nhà trường được kiểm tra sức khỏe, đo chiều cao, cân nặng, đánh giá tình trạng dinh dưỡng bằng biểu đồ tăng trưởng theo quy định. Hàng năm kết quả theo dõi sự phát triển của trẻ: Cân nặng bình thường đạt trên 98%; SDD thể nhẹ cân chiếm dưới 2%, chiều cao bình thường đạt trên 98%, SDD thể thấp còi chiếm dưới 2% [H5-5.3-02].

2. Điểm mạnh

Nhà trường thường xuyên quan tâm đến công tác chăm sóc nuôi dưỡng trẻ. Phối hợp chặt chẽ với y tế xã Pom Lót để kiểm tra sức khoẻ định kỳ cho trẻ, làm tốt công tác tuyên truyền với phụ huynh về kiến thức chăm sóc, giáo dục trẻ góp phần nâng cao chất lượng chăm sóc nuôi dưỡng trẻ tại trường. Công tác bán trú được đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm. Lựa chọn nguồn thực phẩm tươi sống đảm bảo về chất lượng, thường xuyên theo dõi và nâng cao chất lượng khẩu phần ăn cho trẻ đảm bảo đủ lượng, đủ chất. 100% trẻ suy dinh dưỡng thừa cân, béo phì được can thiệp bằng những biện pháp phù hợp. Kết quả cuối năm tỷ lệ trẻ phát triển ở kênh bình thường đạt 98,7%, Suy dinh dưỡng: 1,3%, béo phì: 0. CCBT: 98,4%, thấp còi: 1,6 %. So với kết quả đầu năm học phục hồi trên 80%.

3. Điểm yếu: Không

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
CBQL nhà trường có trách nhiệm thường xuyên kiểm tra, đôn đốc tổ dinh dưỡng đảm bảo VSATTP, duyệt hồ sơ sổ sách nuôi ăn hàng tháng.	CBQL, GV	KH kiểm tra nội bộ.	Hàng tháng	Không
Thực hiện tuyên truyền tư vấn cho cha mẹ học sinh cách chăm sóc nuôi dưỡng trẻ để cha mẹ học sinh phối hợp tốt hơn với nhà trường bằng nhiều hình thức: họp phụ huynh, họp thôn bản,	CBQL, GV	Các cuộc họp lớp, họp tổ khối, trên trang Web, loa	Hàng tháng	Không

khối, trên trang Web, loa phát thanh của nhà trường....		phát thanh trường....		
Nhà trường tiếp tục làm tốt công tác phối hợp với các cơ sở y tế trong việc khám sức khỏe cho trẻ.	CBQL, GV,NV	KH phối hợp với trạm y tế xã Pom Lót	Trong năm học 2023-2024 và các năm học tiếp theo	Không
Thực hiện tốt công tác VSATTP, cải thiện bữa ăn cho trẻ bị SDD, có chế độ ăn hợp lý đối với trẻ bị thừa cân. Theo dõi, quan tâm và có KH điều chỉnh chế độ ăn phù hợp cho trẻ SDD, thấp còi, phù hợp với trẻ béo phì để tỷ lệ trẻ bị SDD giảm xuống thấp nhất và không còn trẻ bị béo phì.	CBQL, GV,NV	KH bán trú...	Trong năm học 2023-2024 và các năm học tiếp theo	Không

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 5.4: Kết quả giáo dục

Mức 1:

a) Tỷ lệ chuyên cần đạt ít nhất 90% đối với trẻ 5 tuổi, 85% đối với trẻ dưới 5 tuổi; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 85% đối với trẻ 5 tuổi, 80% đối với trẻ dưới 5 tuổi;

b) Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non đạt ít nhất 85%; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 80%;

c) Trẻ khuyết tật học hòa nhập, trẻ có hoàn cảnh khó khăn được nhà trường quan tâm giáo dục theo kế hoạch giáo dục cá nhân.

Mức 2:

a) Tỷ lệ chuyên cần đạt ít nhất 95% đối với trẻ 5 tuổi, 90% đối với trẻ dưới 5 tuổi; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 90% đối với trẻ 5 tuổi, 85% đối với trẻ dưới 5 tuổi;

b) Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non đạt ít nhất 95%; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 90%;

c) Trẻ khuyết tật học hòa nhập (nếu có) được đánh giá có tiến bộ đạt ít nhất 80%.

Mức 3:

a) Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non đạt ít nhất 97%; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 95%;

b) Trẻ khuyết tật học hòa nhập (nếu có) được đánh giá có tiến bộ đạt ít nhất 85%.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

Nhà trường đã làm tốt công tác tuyên truyền, vận động trẻ đi học chuyên cần, hằng năm tỷ lệ chuyên cần của trẻ 5 tuổi đạt 98%, trẻ ở các độ tuổi khác đạt 95% [H5-5.4-01].

Cuối năm nhà trường có 100% số trẻ 5 tuổi hoàn thành chương trình GDMN, tính đến thời điểm đánh giá nhà trường có tổng số 92 trẻ 5 tuổi đang học Chương trình GDMN tại trường [H1-1.5-01]; [H5-5.4-02].

Năm học 2023-2024 nhà trường không có trẻ khuyết tật trong độ tuổi học hòa nhập.

Mức 2

Nhà trường đã làm tốt công tác tuyên truyền, vận động trẻ đi học chuyên cần, hằng năm tỷ lệ chuyên cần của trẻ 5 tuổi đạt 98%, trẻ ở các độ tuổi khác đạt 95% [H1-1.5-01]; [H5-5.4-01].

Cuối năm nhà trường có 100% số trẻ 5 tuổi hoàn thành chương trình GDMN, tính đến thời điểm đánh giá nhà trường có tổng số 92 trẻ 5 tuổi đang học Chương trình GDMN tại trường [H1-1.5-01]; [H5-5.4-01]; [H5-5.4-02].

Nhà trường không có trẻ khuyết tật học hòa nhập.

Mức 3

Cuối năm nhà trường có 100% số trẻ 5 tuổi hoàn thành chương trình GDMN, tính đến thời điểm đánh giá nhà trường có tổng số 92 trẻ 5 tuổi đang học Chương trình GDMN tại trường [H5-5.4-01]; [H5-5.4-02].

Nhà trường không có trẻ khuyết tật học hòa nhập.

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã thực hiện tốt công tác chăm sóc giáo dục trẻ, thu hút tỷ lệ trẻ đến trường. Cụ thể tại thời điểm đánh giá tỷ lệ chuyên cần đối với trẻ 5 tuổi 92/92 học sinh = 100 %; tỷ lệ chuyên cần đối với trẻ dưới 5 tuổi: 232/243 học sinh = 95,5% học sinh. 100% trẻ mẫu giáo 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non. 100% học sinh khuyết tật được học hòa nhập và được đánh giá có sự tiến bộ hằng năm đạt 85%.

3. Điểm yếu: Không

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Nhà trường có các giải pháp chỉ đạo giáo viên làm tốt công tác tuyên truyền, huy động trẻ ra lớp đảm bảo chỉ tiêu UBND huyện giao và đảm bảo tỷ lệ trẻ đi học chuyên cần.	CBQL	KH kiểm tra nội bộ	Hàng tháng trong năm học 2023 – 2024 và các năm học tiếp theo	Không

Duy trì tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành chương trình GDMN đảm bảo theo quy định.	CBQL, GV	KH chăm sóc giáo dục trẻ	30/5	Không
Tuyên truyền huy động trẻ khuyết tật ra lớp và 100% trẻ khuyết tật học hòa nhập được đánh giá là có tiến bộ.	CBQL, GV	hồ sơ trẻ khuyết tật	10/8	Không

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Kết luận về Tiêu chuẩn 5

Nhà trường đã xây dựng, triển khai thực hiện chương trình GDMN theo KH phù hợp với quy định về chuyên môn và điều kiện thực tế của nhà trường, địa phương. Tổ chức các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ phù hợp với mục tiêu, nội dung giáo dục. Chú trọng xây dựng môi trường giáo dục trong và ngoài lớp an toàn, lành mạnh, thân thiện, tổ chức tốt các hoạt động khám phá, trải nghiệm, tham gia lễ hội, hát dân ca, ca dao, đồng dao... Có nhiều biện pháp để nâng cao chất lượng CSGD trẻ, do đó kết quả CSGD trẻ của nhà trường từng bước được nâng lên. Tỷ lệ trẻ phát triển ở kênh bình thường, về cân nặng, chiều cao đạt trên 98%, không có trẻ béo phì, tuy nhiên nhà trường vẫn còn trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân và thể thấp còi. Đa số trẻ đi học chuyên cần, tỷ lệ trẻ 5 tuổi đi học chuyên cần mức cao, hằng năm có 100% trẻ 5 tuổi đi học được công nhận hoàn thành chương trình GDMN.

- Tổng số tiêu chí: 4 tiêu chí

+ Số tiêu chí đạt yêu cầu: 4

+ Số tiêu chí không đạt yêu cầu: 0

Phần II. KẾT LUẬN CHUNG

Năm học 2022 - 2023 Trường mầm non xã Pom Lót đã có những bước phát triển nổi bật. Đạt danh hiệu tập thể lao động xuất sắc được Thủ tướng Chính phủ tặng bằng khen, UBND tỉnh tặng Bằng khen, UBND huyện tặng giấy khen. Các hoạt động của nhà trường đều phát triển, ổn định và bền vững, uy tín của nhà trường với ngành học, với các cấp lãnh đạo địa phương và các bậc phụ huynh ngày càng được nâng lên.

CSVCL, trang thiết bị phục vụ công tác quản lý, dạy và học của nhà trường ngày càng được đầu tư, bổ sung thường xuyên, nhà trường có khuôn viên thoáng rộng rãi môi trường xanh - sạch - đẹp - an toàn và thân thiện.

Đội ngũ cán bộ giáo viên của trường có phẩm chất đạo đức và có năng lực chuyên môn nghiệp vụ, nhiệt tình, có trách nhiệm trong công việc được giao, nhiều giáo viên có phương pháp giảng dạy tốt. 100% số cán bộ giáo viên nhà trường có trình độ trên chuẩn, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ của đổi mới giáo dục. Thực hiện nghiêm túc nội dung chương trình GDMN theo quy định của Bộ GD&ĐT, phương pháp dạy học đã dần được đổi mới phát huy tính tích cực, tự giác, chủ động, sáng tạo của trẻ.

Kết quả CSGD trẻ của nhà trường trong năm qua đã đạt kết quả cao, trẻ đạt được mục tiêu phát triển toàn diện theo chương trình GDMN do Bộ GD&ĐT ban hành.

Nhà trường làm tốt công tác xã hội hoá giáo dục nên đã nhận được sự quan tâm của các cấp uỷ Đảng, Chính quyền địa phương, phối kết hợp với các ban ngành, đoàn thể địa phương các bậc phụ huynh thực hiện tốt việc huy động trẻ ra lớp đảm bảo đạt chuẩn phổ cập GDMN trẻ em 5 tuổi, thực hiện tốt nhiệm vụ năm học đề ra.

Được sự quan tâm chỉ đạo sát sao của lãnh đạo Ngành, của Đảng uỷ Chính quyền địa phương cùng với sự nỗ lực cố gắng phấn đấu không ngừng của tập thể cán bộ, giáo viên, học sinh, phụ huynh của nhà trường. Đối chiếu với các thành quả về hoạt động giáo dục mà nhà trường đã đạt được trong năm năm qua với Bộ tiêu chuẩn tự đánh giá trường Mầm non được Bộ GD&ĐT ban hành; trong quá trình tự đánh giá trường mầm non xã Pom Lót đã đạt được những kết quả cụ thể về 5 tiêu chuẩn, 25 tiêu chí. Nhà trường đã tiến hành tự đánh giá theo đúng quy trình. Qua quá trình tự đánh giá nhà trường đã đạt được những kết quả cụ thể như sau:

- Tổng số tiêu chí: 25 tiêu chí
- + Số tiêu chí đạt yêu cầu: 25
- + Số tiêu chí không đạt yêu cầu: 0
- + Tiêu chí đạt mức 1: 25/25 tiêu chí đạt 100%
- + Tiêu chí đạt mức 2: 25/25 tiêu chí đạt 100%
- + Tiêu chí đạt mức 3: 18/19 tiêu chí đạt 94,7%
- + Tiêu chí không đạt mức 3: 1/19 tiêu chí chiếm 5,3%

*** Trường mầm non tự đánh giá**

Căn cứ Thông tư số 19/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ Giáo dục Ban hành quy định chất lượng giáo dục và công nhận đạt CQG đối với trường mầm non, kèm theo Quy định về Kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt CQG đối với trường mầm non.

Căn cứ kết quả tự đánh giá của nhà trường, trường Mầm non xã Pom Lót kiểm định trường đạt CQG mức độ 1, kiểm định chất lượng mức độ 2.

Trường Mầm non xã Pom Lót đề nghị các cấp có thẩm quyền xem xét công nhận kết quả tự đánh giá của nhà trường và kiểm định trường đạt CQG mức độ 1, kiểm định chất lượng mức độ 2.

Trên đây là toàn bộ báo cáo tự đánh giá chất lượng giáo dục của nhà trường Mầm non xã Pom Lót về công tác kiểm định chất lượng giáo dục trường mầm non. Kính mong được cơ quan chủ quản, cấp uỷ chính quyền địa phương, các thành viên trong Hội đồng đánh giá ngoài đóng góp ý kiến để công tác tự đánh giá của nhà trường ngày càng chất lượng và hoàn thiện hơn./.

Pom Lót, ngày 18 tháng 10 năm 2023

Nơi nhận:

- Phòng GD&ĐT (B/c);
- UBND Xã (B/c);
- Lưu VT.

HIỆU TRƯỞNG

Vũ Thị Thanh Huyền

